

LÒNG YÊU THƯƠNG

LỜI CẢM ƠN

Kính xin các tác giả trong các sách, báo cho phép chúng tôi được trích những bài viết về đạo đức để làm sáng tỏ nền ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN - NHÂN QUẢ của Phật giáo, xin chân thành cảm ơn quý vị.

Sách do HT. Thông Lạc viết không bán, chỉ kính biếu cho mọi người.

Kính ghi
HT. Thích Thông Lạc

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

**LÒNG
YÊU
THƯƠNG**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PL: 2556 - DL: 2012





*L*òng yêu thương là một đức tính của muôn loài, khi mới sinh ra là đã mang theo với đức tính này, nhưng lòng yêu thương có những cấp độ khác nhau.

Như một ngôi nhà đang bị cháy, mọi người chạy đến đều đứng bên ngoài kêu cứu, hay chỉ lấy mắt nhìn trước cảnh một em bé đang bị kẹt trong ngôi nhà lửa. Họ không dám xông vào lửa, chỉ biết chờ đợi những người lính cứu hỏa, chứ không còn cách nào khác cứu em bé thoát ra khỏi nơi nguy hiểm.

Không thể chờ đợi lính cứu hỏa đến; không thể nhìn cảnh kêu khóc của một em bé trong cơn lửa đỏ cháy ào ạt; không thể

nhìn cái chết của một em bé đau thương như vậy được. Một người đàn ông trong đám đông xông vào lửa đỏ cứu cháu bé thoát nạn.

Hành động thật là kiên cường, anh dũng, tuy cơ thể bị bỏng nhưng đã để lại một hình ảnh “Người Hùng” trong mỗi người. Bởi lòng yêu thương là một sức mạnh duy nhất khiến cho con người xem thường cái chết, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng...

Đọc câu chuyện “Nơi Trở Về”, chúng ta mới thấy lòng yêu thương dũng cảm thật là cao thượng tuyệt vời. Chỉ có lòng yêu thương thật sự mới dám biến mình trở thành những con người dũng cảm, mới làm nên những kỳ tích tinh thần yêu thương vĩ đại cho đời.

Lòng yêu thương vì người, nói thì ai nói cũng được, nhưng đến khi làm mới thấy khó vô cùng. Chúng tôi chỉ ước mong sao mọi người vì thương người mà quên mình, để cho đời ngày càng tốt đẹp hơn.

*Đọc những câu chuyện **“Tâm hồn cao thượng”** của Hà Mai Anh dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, tuy sách do người Ý*

viết, nhưng sao tâm hồn của họ lại gần gũi với dân tộc Việt Nam đến thế. Các cháu bé tuy tuổi còn học trò nhưng vì lòng thương người mà quên mình, dám hy sinh mình cứu người, khiến chúng tôi xúc động từ trong sâu thẳm của trái tim, nên không thể cầm được những giọt nước mắt tự nhiên tuôn trào.

Lòng yêu thương là một cảm xúc tự nhiên mà mỗi người ai cũng có. Trên đời không ai sống mà thiếu lòng yêu thương. Lòng yêu thương sẽ có ý nghĩa hơn nhiều khi chúng ta biết ban tặng cho mọi người không phân biệt thân, sơ, để làm cho cuộc sống ấm áp, hạnh phúc hơn; để làm cho mọi người gần gũi nhau hơn.

Thật là hạnh phúc vô cùng khi mỗi người biết tận dụng lòng yêu thương của mình ban tặng cho những người gặp hoàn cảnh không may; ban tặng cho những người đang cần lòng yêu thương, thì đời sống loài người sẽ đẹp biết bao!

Kính ghi
Trưởng lão Thích Thông Lạc



*T*rong cuộc sống hằng ngày, con người đối xử với con người bằng lòng yêu thương thì thế gian này là Thiên đàng, Cực lạc. Nếu trên thế giới mọi người đều biết yêu thương nhau thì thế giới đâu còn chiến tranh, xã hội đâu còn có tranh chấp và gia đình đâu còn có cãi cọ hơn thua.

Cho nên, lòng yêu thương rất quan trọng đối với cuộc sống của con người, hơn cả ngàn vàng. Lòng yêu thương không thể đổi bằng tiền bạc, của cải tài sản, mà phải bằng cả trái tim; bằng cả một tâm hồn chân thật.

Bởi vậy, “Nơi Trở Về” của mọi người không phải là nơi giàu sang, danh lợi, tiền

bạc, của cải, ruộng đất nhiều, mà là nơi LÒNG YÊU THƯƠNG. Chỉ có lòng yêu thương chân thật mới là nơi trở về của mọi người:

“Một cô bé mồ côi cha mẹ, sống cùng bà ngoại trong một căn phòng nhỏ trên gác. Một đêm, căn nhà bỗng bốc cháy và người bà đã thiệt mạng trong khi cố gắng cứu cháu gái của mình. Ngọn lửa lan nhanh, và cả tầng trệt của căn nhà nhanh chóng chìm vào biển lửa.

Những người hàng xóm gọi điện cho đội cứu hỏa, rồi đứng đó nhìn trong vô vọng, mà không thể xông vào nhà bởi ngọn lửa đã chặn kín mọi lối vào. Cô bé tuyệt vọng kêu khóc cầu cứu bên cửa sổ trên gác. Lúc ấy, trong đám đông lại có tin đồn rằng: “lực lượng cứu hỏa sẽ đến chậm vài phút vì họ đang bận chữa cháy ở nơi khác”.

Đột nhiên, người đàn ông xuất hiện cùng với chiếc thang. Ông dựng chiếc thang tựa vào tường của ngôi nhà, rồi nhanh chóng tiến vào bên trong. Và ông trở ra với cô bé ở trên tay mình. Ông trao cô bé cho những người đang dang tay chờ bên dưới, rồi mất hút vào màn đêm.



Mọi người điều tra và thấy rằng cô bé chẳng còn người thân nào cả. Vài tuần sau, một cuộc họp được tổ chức để quyết định xem ai là người sẽ chăm sóc và nuôi nấng cô bé.

Một cô giáo muốn nhận nuôi cô bé. Cô đưa ra lý do rằng mình có thể bảo đảm cho em một nền giáo dục tốt. Một người nông dân nhận chăm sóc cô bé, vì ông cho rằng cô bé sẽ khỏe mạnh và thoải mái khi được sống ở nông trại. Những người khác cũng đưa ra những lý do thuận lợi để được nhận nuôi cô bé. Cuối cùng, một người dân giàu có nhất thị trấn đứng dậy và nói: “Tôi có thể mang đến cho cô bé này tất cả những điều kiện thuận lợi mà mọi người vừa đề

cập, cộng với tiền bạc và tất cả những gì mà tiền có thể mua được”.

Trong suốt buổi thảo luận, cô bé vẫn im lặng, mắt nhìn xuống sàn nhà.

“Còn ai có ý kiến gì khác nữa không?” Ông chủ tịch lên tiếng.

Một người đàn ông từ cuối phòng bước lên phía trước. Bước đi của ông chậm chạp và có vẻ đau đớn. Khi đã đến trước mặt mọi người, ông bước thẳng đến chỗ cô bé và đưa đôi bàn tay ra. Mọi người vô cùng kinh ngạc. Bàn tay và cả hai cánh tay của ông đều bị phỏng trầm trọng.

Cô bé òa khóc:

“Đây chính là người đã cứu cháu!”

Rồi cô bé quàng tay quanh cổ người đàn ông, như đang giữ chặt lấy cuộc sống thân thương, như em đã làm trong cái đêm định mệnh ấy. Rồi cô bé gục đầu vào vai người đàn ông và khóc nức nở trong giây lát. Sau đó, em ngược nhìn lên và mỉm cười với ông.

“Cuộc họp đến đây là kết thúc”, người chủ tọa tuyên bố”.

Khuyết Danh

Câu chuyện tuy đơn sơ, nhưng bằng những giọt nước mắt yêu thương mà không ai cầm được xúc động. Vì lòng yêu thương ông mới xông vào nhà lửa để cứu cháu bé thoát nạn, vì lòng yêu thương mà cháu bé chờ người đã cứu mình trong lửa đỏ, và cuối cùng, họ lại gặp nhau trong LÒNG YÊU THƯƠNG.



“Nơi Trở Về” đã khiến cho nhiều người phải rơi nước mắt, trước lòng yêu thương không thể diễn tả bằng lời mà bằng trái tim của con người. Đúng vậy, người đàn ông cứu cháu bé bằng trái tim yêu thương, và cháu bé chỉ nhận lòng yêu thương ấy bằng trái tim yêu thương của mình. Chúng ta đừng hiểu trái tim yêu thương chỉ có trai gái mới dùng danh từ này. Đây là hiểu một cách không cao thượng, không trong sạch, còn phạm phu tục tử, tâm còn bị chi phối giữa nam và nữ, tâm không có lối thoát ra

khởi tình nhục dục thấp hèn. Cho nên, hiện giờ nói đến lòng yêu thương từ trái tim thì mọi người đã hiểu lòng yêu thương từ trái tim một cách sai lầm. Trái tim yêu thương ở đây là lòng yêu thương chân thật từ trong tận đáy lòng sâu thẳm của con người.

Trên đời không có một vật gì đánh đổi LÒNG YÊU THƯƠNG được, dù tiền của, vàng bạc, ngọc ngà, châu báu như núi, như rừng cũng không đánh đổi được nó.

Trong cuộc đời chúng ta thường thấy, những người giả dối hay mượn lòng yêu thương để lợi dụng nhau. Nói yêu thương là để lợi dụng công sức của người khác; nói yêu thương là để chiếm đoạt tiền bạc, của cải, tài sản, ruộng vườn, đất đai; nói yêu thương là để lợi dụng tình dục, nói yêu thương là để lợi dụng bằng mọi thứ khác nữa. Khi lợi dụng những người khác được như vậy, để rồi họ giữ gìn được những gì?

Tất cả những gì trên thế gian này đều vô thường, ngay cả bản thân của mình còn giữ gìn không được thay, huống là những vật gì khác.

Hiện giờ chúng ta đang sống trong điên đảo tưởng, nên chạy theo ảo ảnh, dục vọng

của các pháp thế gian, để rồi tự chuốc lấy toàn những sự khổ đau. Có phải vậy không quý vị?

Ai cũng biết các pháp đều vô thường, đó là một sự thật đương nhiên, không ai dám phủ nhận lời nói này. Nhưng tại sao chúng ta cả tin đến nỗi mù quáng, không thấy các pháp vô thường như thật, để đem sự sống cao quý của mình chạy theo ảo ảnh mà thọ lấy muôn ngàn sự khổ đau.

Trên thế gian này các pháp đều vô thường, nhưng có một pháp không vô thường, nó đang ngự trị trong lòng của chúng ta, nó mãi mãi không bao giờ mất. Vậy quý vị có biết nó là pháp gì không?

Đó là LÒNG YÊU THƯƠNG của chúng ta đấy quý vị ạ! Lòng yêu thương hơn tất cả mọi thứ trên đời, nó là một sức mạnh vô biên mà cuộc sống của con người không thể thiếu được. Nếu ai biết trao tặng lòng yêu thương của mình là biết đem lại sự bình an, yên vui, hạnh phúc cho mình và cho người khác.



*L*òng yêu thương của Carolyn đã coi nhẹ tất cả tài sản, của cải, tiền bạc của mình. Cô đã đem một ngôi nhà đã sửa sang đẹp mắt nhất, vừa ý nhất, nhưng biết rõ ngôi nhà này có những kỷ niệm từng sống của cháu Jenny ở đây, nên cô trao ngôi nhà ấy cho cả gia đình cháu Jenny với một LÒNG YÊU THƯƠNG rộng lớn từ trái tim. Thật là cao thượng thay!

“Carolyn lái xe chậm chậm vào thị trấn, trong tiết trời thu trong lành, cô thấy lòng mình thật nhẹ nhõm, quan sát quang cảnh của thị trấn nhỏ bé này, cô muốn tìm cho mình một không gian lý tưởng để sống và viết những tác phẩm mà cô ấp ủ từ lâu.

Cách trung tâm thị trấn khoảng 7 cây số, có một khu rừng nhỏ, thiên nhiên trong lành và yên tĩnh. Cô chạy xe đến đó và thật bất ngờ, dưới các tán cây có một căn nhà bằng gỗ xinh xắn, nằm tách biệt với cuộc sống ồn ào của thị trấn. Ngôi nhà đang treo biển rao bán. Đây đúng như là ngôi nhà mơ ước của cô từ bao năm nay.

Cô men theo lối mòn, đến trước cổng ngôi nhà. Lá cây trải dài trên lối đi, khiến bước chân của cô giậm lên đám lá khô tạo ra những tiếng lạo xạo. Đi qua cánh cổng màu trắng, cô bước lên hàng hiên bằng gạch và nhìn vào ngôi nhà vắng chủ qua lớp kính trong suốt. Cách bài trí trong căn nhà làm Carolyn cảm thấy thích thú và mới lạ.

Sau đó, cô nhanh chóng tìm đến văn phòng rao bán ngôi nhà và cô được biết rằng, ngôi nhà bị tịch biên và chủ nhân của nó không có khả năng trả những khoản tiền vay mượn của ngân hàng.

Khi hoàn tất các thủ tục mua bán nhà, cầm chiếc chìa khóa và giấy chủ quyền nhà vừa ký trên tay, Carolyn vẫn chưa tin nổi căn nhà đã thật sự thuộc về mình. Được

người bạn giới thiệu một người thợ sửa chữa nhà giỏi trong vùng tên là Henry, Carolyn đến gặp và nhờ anh thợ sửa lại căn nhà.

Giữa tháng 12 mọi việc đã hoàn tất với ngôi nhà xinh như cô mong ước, mái nhà không còn dột, căn nhà khoác một lớp sơn màu vàng nhạt tươi tắn, khung cửa sổ màu xanh lục và bãi cỏ được cắt tıra cẩn thận. Trông ngôi nhà thật ấm áp, khác hẳn với vẻ hoang phế khi Carolyn tìm thấy nó. Một khung cảnh thật tuyệt để cô có thể ngồi sáng tác tiếp những cuốn tiểu thuyết, những bản thảo đang dang dở. Thực sự căn nhà đã đem đến cho cô nguồn cảm xúc dào dạt, những ý tưởng sáng sủa xuất hiện, mềm mại uyển chuyển, và cô đã viết bằng tất cả tâm hồn mình.

Vào một buổi chiều trời lạnh, khi đang lúi cúi quét sân, Carolyn bất chợt nghe tiếng chào thật nhỏ: “Chào cô”. Carolyn quay về phía tiếng nói và thấy một cô bé có mái tóc đỏ hoe đang đứng thập thò trước cổng.

Chào cháu - Carolyn mỉm cười - tên cháu là gì?

- Jenny, thế còn cô?

- Cô là Carolyn.

- Cô thấy ngôi nhà thế nào? - Vị khách bé nhỏ nhìn cô và hỏi.

- Cô rất thích nó, trước đây cô luôn mơ mình sẽ sống trong một ngôi nhà như thế này, cháu ạ!

- Gia đình cháu cũng rất yêu nó - Jenny nói - màu sơn mới làm nó đẹp quá!

- Carolyn ngừng quét:

- Trước đây cháu đã sống ở đây sao?

- Vâng, khi bố cháu mất, gia đình cháu phải chuyển đi!

- Thế bây giờ gia đình cháu sống ở đâu?

- Carolyn cảm thấy động lòng trắc ẩn.

- Trên một cabin trong thị trấn cô ạ!

Carolyn đặt chổi xuống, đến gần cô bé và hỏi:

- Chuyện gì đã xảy ra với bố cháu vậy?

Bố cháu bị bệnh trong một thời gian dài và không thể tiếp tục làm việc được. Mẹ cháu đã vay mượn tiền để chạy chữa cho bố, nhưng bác sĩ bảo không thể cứu chữa được. Bố cháu đã mất vào năm ngoái, trước

lễ giáng sinh. Sau đó ngân hàng nói với mẹ cháu rằng gia đình cháu phải chuyển đi. Mẹ cháu đã khóc rất nhiều!

- À! Ra là vậy sao? Jenny! Cháu uống một ly nước chanh nhé?

- Cám ơn cô, nhưng cháu xin phép cô về. Mẹ cháu sẽ rất lo khi không thấy cháu. Cháu còn phải trông em để mẹ nấu bữa tối nữa. Cô cho phép cháu quay lại đây chứ ạ?

- Cô rất mong gặp cháu!

Trước khi đi khuất, Jenny còn ngoái lại nhìn ngôi nhà với vẻ luyến tiếc.

Nhìn ngôi nhà, niềm mơ ước của mình, Carolyn cảm thấy rất buồn. Bên trong ngôi nhà cô dường như thấy cảnh sinh hoạt của gia đình Jenny, ngửi thấy mùi bánh mì nướng trong căn bếp nhỏ. Cô còn nghe được tiếng cười đùa của những đứa trẻ thơ và nụ cười hạnh phúc của bố mẹ chúng... Cô thấy lòng mình đang rất bối rối.

Trong đêm giáng sinh, Carolyn nhờ Henry, người thợ sửa chữa nhà, cải trang thành ông già Noel đến rung chuông trước cabin nhà Jenny. Khi anh bước vào với nụ cười rạng rỡ, không khí trong gia đình cô

bé trở nên ấm áp hơn trong đêm lạnh giá. Anh trao cho Jenny một con búp bê đặc biệt, có mái tóc đỏ như mái tóc của cô bé, và quả bóng cao su màu xanh cho em trai của Jenny. Cuối cùng, Henry bước đến trao cho mẹ của Jenny một chiếc phong bì màu trắng và nói:

- Chị Sarah! Đây là món quà dành cho chị.



Sarah ngạc nhiên nhận chiếc phong bì rồi mở ra. Bên trong có một chiếc chìa khóa, tờ giấy chuyển nhượng ngôi nhà đứng tên Sarah và tấm thiệp được ghi: “Ngôi nhà đang đón chờ gia đình chị! Tôi hy vọng lễ giáng sinh năm nay thật sự đem

lại ý nghĩa cho gia đình cháu Jenny. Điều này mới đúng là ngôi nhà mơ ước của tôi. Chúc gia đình chị giáng sinh thật vui vẻ. Một người bạn”.

Đôi mắt của Sarah ngấn lệ, cô không ngờ rằng một người phụ nữ xa lạ, một tấm lòng nhân ái và quá đỗi cao thượng, có thể hy sinh cả một gia tài, một niềm mơ ước của mình cho người khác. Riêng đối với Carolyn - dù là một người phụ nữ nhỏ bé hay là một nhà văn nổi tiếng sau này - ngôi nhà mơ ước đó chính là nơi đã thực hiện được những ý tưởng nhân văn cao cả trước hết trong cuộc đời và đi vào những trang sách”.

Thanh Mai

Theo The Dream

Kết luận câu chuyện trên không ai cảm được nước mắt. Một ngôi nhà đẹp và vừa ý như vậy, thế mà carolyn thản nhiên hy sinh trao lại cho người khác với tấm lòng yêu thương rộng mở. Vì biết rằng ngôi nhà ấy có những kỷ niệm của cháu bé Jenny từng sống ở đó. Chính lòng yêu thương mới đem lại cho mình, cho người một sự bình an, một niềm vui chân thật, một cuộc sống

nhìn về tương lai sáng lạng, một cuộc sống tràn đầy nhựa sống yêu thương.

Bởi vậy, lòng yêu thương chỉ có ban tặng nhau bằng hành động từ trong trái tim, mà không hề mở miệng nói ơn, nói nghĩa; lòng yêu thương chia sẻ nhau mọi việc làm mà không hề kể công, kể sức. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta làm được những gì cho người khác là đã ban tặng LÒNG YÊU THƯƠNG.

Chúng ta không chịu khó quan sát, chứ nếu chịu khó quan sát chúng ta sẽ thấy lòng yêu thương thể hiện bằng hành động rất rõ ràng: Dắt một bà lão qua đường, đó là hành động lòng yêu thương; nhường chỗ ngồi cho người có em nhỏ hay một người già yếu trên xe bus, đó cũng là hành động lòng yêu thương; dùng lời an ủi một người nào đó để họ được yên tâm an vui, đó cũng là đã ban tặng hành động lòng yêu thương cho người ấy.

Trong cuộc sống hằng ngày có rất nhiều việc khiến cho mọi người bất an, khi gặp trường hợp ấy chúng ta cần ban tặng hành động lòng yêu thương đến với họ, chỉ biết ban tặng lòng yêu thương chân thật từ trái

tim của mình thì sẽ an ủi biết bao nhiêu tâm hồn đang khổ đau.

Mỗi bước đi tránh giẫm đạp lên những loài vật nhỏ nhít như kiến và côn trùng dưới bước chân, đó là chúng ta cũng thực hiện hành động lòng yêu thương.

Dem một nắm cơm hay một nắm lúa cho một con chim hay một con gà, cũng như cho một con mèo đang đói, đó cũng là thực hiện hành động lòng yêu thương.

Nghe tiếng kêu cứu của một con nhái trước miệng con rắn, chúng ta không thể làm ngơ, và cố tìm mọi cách để cứu con nhái và ngăn chặn con rắn tránh làm những điều ác.

Con rắn tuy không ăn thịt con nhái, nhưng nó cũng không chết đói đâu quý vị ạ! Vì nó cũng có thể sống bằng những thực phẩm khác như trái cây chín, cơm hoặc những lá cây hoặc cỏ non.

Khi chúng ta ngăn con rắn không cho giết hại con nhái là chúng ta đã làm được hai điều lành:

1- Là cứu con nhái.

2- Là giúp con rắn tránh làm điều ác.

Trong cuộc sống hằng ngày, nếu chúng ta chỉ sống có một mình thì không có điều gì phải nói, nhưng đã nói cuộc sống thì phải có nhiều người, mà có nhiều người thì phải có nhiều ý. Vì thế, có những ý đồng nhau thì thật là thuận chiều mát mái, nhưng có những ý không đồng nhau là do tính cố chấp ý mình đúng, ý người khác sai. Do ý người khác sai mà mình đã đánh mất lòng yêu thương. Khi đánh mất lòng yêu thương nên có nhiều trường hợp xảy ra cần chú ý:

Thứ nhất: Khi mất Lòng Yêu Thương nên có những ý kiến cố chấp tạo thành những cuộc cãi cọ tranh hơn thiệt, biến cuộc sống bất an cho nhau.

Thứ hai: Khi mất Lòng Yêu Thương nên người này đối với người khác sinh ra thù ghét, có khi đi đến chỗ ẩu đả và gây ra án mạng.

Thứ ba: Khi mất Lòng Yêu Thương thì bạo lực gia đình thường xảy ra, do vợ hay chồng muốn chiếm hữu làm quyền của riêng mình (ghen, tuông).

Thứ tư: Khi mất Lòng Yêu Thương nên con người thường có tính hay sợ sệt, nhút

nhất, thiếu can đảm không dám nhận lỗi mình, thường đổ lỗi cho người khác.

Cháu bé Garônê can đảm dám đứng lên nhận lỗi thay cho bạn mình, thật là một LÒNG YÊU THƯƠNG cao thượng:

“Khi tôi vào lớp (hơi muộn một tí vì cô giáo lớp dưới đã giữ tôi lại, hỏi lúc nào cô có thể đến chơi nhà tôi) thì thầy Pec-bô-ni vẫn chưa đến; và ba hay bốn đứa đang hành hạ cậu Crôt-xi đáng thương, cái cậu tóc hoe, cánh tay bị liệt có bà mẹ bán rau quả ấy. Chúng lấy thước đánh cậu; ném vỏ hạt dẻ vào đầu cậu; gọi cậu là con quỷ què và nhại cái tay của cậu. Một mình ở đầu ghế ngồi, Crôt-xi sợ hãi, nghe và nhìn khi đứa này, khi đứa kia với đôi mắt van lơn, cầu chúng để cho yên thân. Nhưng bọn chúng mỗi lúc một làm già, đến nỗi cậu bắt đầu run lên và mặt đỏ bừng vì tức giận.

Bỗng Phran-ti, cái thằng có bộ mặt tàn nhẫn ấy, đứng lên một cái ghế, làm bộ như ôm mỗi tay một cái sọt, nó nhại mẹ Crôt-xi khi bà đến đón con ở cổng trường. Máy hôm nay, không thấy bà ta đến, vì bà đang ốm.

Thấy diễn màn kịch câm ấy, học trò cười âm lên. Crôt-xi liền mất bình tĩnh, chộp lấy lọ mực trước mặt và dùng hết sức ném vào Phran-ti. Nhưng Phran-ti tránh được và lọ mực trúng giữa ngực thầy Pec-bô-ni vừa bước vào.

Tất cả học trò khiếp sợ, chạy về chỗ và im thin thít như vừa có một phép lạ.

Thầy giáo tái mặt, bước lên bục và hỏi, giọng lạc hẳn đi:

“Ai ném lọ mực?”

Không một tiếng trả lời.

“Ai?” - thầy Pec-bô-ni nhắc lại, giọng to hơn.

Ga-rô-nê động lòng thương xót Crôt-xi, liền đứng dậy và nói quả quyết: “Thưa thầy, con ạ!”.

Thầy giáo nhìn Ga-rô-nê, rồi nhìn đám học sinh đang sửng sốt, và nói giọng bình tĩnh: “Không phải con”.

Sau một phút, thầy lại nói: “Người có lỗi sẽ không bị phạt, cứ đứng dậy”.

Crôt-xi đứng dậy, vừa nói vừa khóc:

- Thừa thầy, các bạn trêu con, chửi con, con mất bình tĩnh... con đã ném...

- Con ngồi xuống - thầy giáo bảo - và những ai đã khiêu khích bạn thì đứng lên!

Bốn trong những đứa đã gây sự đứng dậy, đầu cúi gằm. Thầy Pec-bô-ni nói:

“Các cậu đã lăng mạ một người bạn không hề gây sự với mình, các cậu đã nhạo báng một người tàn tật, các cậu đã tấn công một em bé yếu đuối không có sức chống cự. Các cậu đã làm một việc hèn hạ nhất và nhục nhã nhất có thể bôi nhọ lương tâm con người. Các cậu là những kẻ hèn nhát!”

Nói xong, thầy bước xuống giữa chúng tôi, đi về phía Ga-rô-nê, thầy đến gần, cậu cúi đầu xuống. Thầy Pec-bô-ni đưa tay xuống dưới cầm Ga-rô-nê, nâng đầu cậu ta lên nhìn thẳng vào mặt và nói:

“Con quả là có một tấm lòng cao thượng!”

Nhân lúc ấy, Ga-rô-nê ghé vào tai thầy, nói nhỏ mấy tiếng. Tức thì thầy quay lại bốn tên thủ phạm và bỗng nhiên bảo họ: “Thôi, thầy tha lỗi cho các con!”



Câu chuyện xảy ra xung quanh các cháu học trò, nhưng đã nói lên được lòng yêu thương cao thượng. Vì thế, chúng ta cần phải lấy gương hạnh của cháu Garônê soi lại mình, để lúc nào cũng biết đem lòng yêu thương trao tặng cho mọi người, để mọi người trên hành tinh này gần gũi nhau hơn, biết xoa dịu những vết thương đau của cuộc đời.

Thứ năm: Khi mất Lòng Yêu Thương nên tánh tình không thẳng thắn, quanh co, lừng chừng, biến mình trở thành người thụ động, ai nói sao nghe vậy. Cuối cùng chẳng khác nào người a dua, xu nịnh. Người thường a dua, xu nịnh là người “ba phải”,

không phải là người thành thật, họ bằng mặt với mọi người, chứ không bằng lòng.

Thứ sáu: Khi mất Lòng Yêu Thương người ta thường hay nói thẳng ý nghĩ trong đầu khiến mọi người căm ghét, mất thiện cảm.

Thứ bảy: Khi mất Lòng Yêu Thương người ta thường mặt sát và hay nói xấu người khác.

Thứ tám: Khi mất Lòng Yêu Thương người ta chỉ biết mình và coi ai trên đời này cũng chẳng ra gì.

Bởi vậy, LÒNG YÊU THƯƠNG giúp cho con người trở thành những người tốt, những người có đạo đức, có lòng nhân ái, có đức nhẫn nhục, biết tùy thuận, đầy lòng tha thứ yêu thương và còn biết rộng mở vòng tay, luôn luôn chia sẻ những nỗi buồn vui với mọi người.



Lòng yêu
thương
loài sâu bọ
của cháu Brian

Chúng ta đã từng chứng kiến biết bao nhiêu người coi thường mạng sống của loài vật, xem mạng của loài vật như đất cát, thấy một con kiến bò trên sân là lấy chân chà đạp cho chết mới thôi. Có người còn dùng lửa đốt kiến, thấy kiến chết nằm ngổn ngang chẳng chút lòng thương xót. Hầu hết mọi người ai cũng xem thường mạng sống của loài vật. Riêng cháu Brian thì khác, lòng yêu thương của cháu rất đặc biệt, mà người lớn như chúng ta cũng không ngờ được. Lòng yêu thương cháu xuất

phát từ trong trái tim YÊU THƯƠNG, nên hành động giúp những con sâu thoát chết của cháu là một bài học yêu thương sâu sắc đối với mọi người. Bài học lòng yêu thương ấy có một giá trị rất lớn, mà khi nhắc đến những hành động ấy thì không ai có thể nào quên được:

“Brian là một cậu bé bảy tuổi. Cậu là người hay mơ mộng và luôn làm cho cô giáo của mình tức giận. Cô giáo của cậu lại là một người rất nghiêm khắc.

Một hôm, Brian đến trường trễ một tiếng đồng hồ. Ngay khi cậu vừa đến lớp, cô giáo của cậu vội ra khỏi lớp học, xuống văn phòng trường và gọi điện thoại cho mẹ Brian: “Hôm nay Brian đi học trễ một tiếng đồng hồ” - cô giáo nói - “Tôi gần như hết chịu nổi rồi!”

Cả ngày hôm ấy, mẹ Brian hết sức lo lắng. Cuối cùng, Brian cũng về đến nhà.

“Brian, có chuyện gì xảy ra ở trường vậy con?”

“Con đi học trễ. Cô giáo của con rất giận”.

“Mẹ biết rồi. Cô ấy đã gọi điện cho mẹ. Mà chuyện gì đã xảy ra vậy con?”

“Dạ”, Brian bắt đầu kể lại câu chuyện của mình: “Chắc trước đó trời có mưa, con thấy có rất nhiều sâu ở hai bên vỉa hè”. Cậu ngưng lại một lúc rồi nói tiếp: “Con biết các em nhỏ sẽ giậm lên chúng, nên con cố đem bỏ chúng lại vào trong những cái lỗ”.



Cậu ngược nhìn mẹ: “Con mất rất nhiều thời gian để làm việc đó, vì chúng không chịu đi mẹ ạ!”

Người mẹ ôm cậu vào lòng và nói: “Mẹ yêu con lắm, Brian à!” Bà khóc.

Jay O’Callahan

Cậu bé Brian có những hành động lòng yêu thương loài vật xuất phát từ trái tim nhân ái thật tuyệt vời như đã nói ở trên. Chúng ta không thể lấy vật gì so sánh với lòng yêu thương loài vật mà cậu bé này đã thực hiện, thật là cao quý vô cùng. Một hành động mà nó mang đến hai việc thiện như sau:

1- *Cứu những con sâu thoát chết.*

2- *Giúp mọi người tránh việc vô tình làm điều ác.*

LÒNG YÊU THƯƠNG loài vật của cậu bé Brian đã khiến chúng ta thức tỉnh, nhận biết rằng sự sống của con người cũng như sự sống của muôn loài vật khác đều bình đẳng. Bởi vì sự sống là một điều rất cao quý trên thế gian này, cho nên nó luôn luôn phải được tôn trọng bình đẳng như nhau. Vì thế, không ai có quyền cướp lấy mạng sống của người khác cũng như mạng sống của các loài vật khác. Nếu người nào cướp lấy mạng sống của loài vật khác thì cũng như cướp lấy mạng sống của con người. Người ấy được xem là một Ác Quỷ, một La Sát. Họ không phải là loài người. Vì loài người có bộ óc thông minh, có tính nhân ái và đức

độ hiền lành, biết thương yêu, tha thứ, biết tránh những điều làm đau khổ mình đau khổ người.

Bởi vậy, một con người thì không thể sống như các loài động vật ác, chỉ biết giết hại và ăn thịt lẫn nhau. Cho nên, đối với những người giết hại và ăn thịt chúng sinh thì chúng ta nên xem lại họ, họ có phải chính là con người hay không?

Xung quanh chúng ta, cùng sống chung nhau toàn là con người, nhưng kỳ thực có hai hạng người:

1- Hạng người có đạo đức, có nhân tính, có lòng từ ái, có lòng yêu thương, biết tha thứ mọi sự lỗi lầm của người khác, sống vì mọi người, vì sự sống của tất cả các loài vật khác.

2- Hạng người tính tình hung dữ, cộc cằn, thô lỗ, thiếu văn hóa, không có lòng nhân ái, không biết tha thứ mọi lỗi lầm của người khác, thường cố chấp, nham hiểm, có nhiều thủ đoạn gian xảo hại người, thường làm khổ mình, khổ người, thích giết hại và ăn thịt chúng sinh, sống một đời sống đầy đau khổ vì chỉ biết có mình mà quên mọi người.

Chúng ta hãy tự suy nghĩ, con người có quyền sống thì con vật cũng có quyền sống. Tại sao con người không những cướp lấy mạng sống của con vật mà còn ăn thịt chúng? Như vậy con người sống có bình đẳng hay không?

Quyền bình đẳng sống của con người cũng như các loài vật là như nhau. Tại sao con người nói được mà không làm được? Con người có đầu óc thông minh và nhân ái hơn các loài vật khác, biết phân biệt thiện ác rõ ràng, biết sự đau khổ bản thân mình và cũng biết mọi sự đau khổ của các loài vật khác, nhưng hầu hết con người giả điếc, làm ngơ, đều làm ngược lại quyền sống bình đẳng ấy. Họ xem thường mạng sống của loài vật như cỏ rác, muốn đâm, giết lúc nào là tùy ý. Họ coi mạng sống của loài vật chẳng ra gì. Hằng ngày, những bà nội trợ đã giết biết bao nhiêu con vật để làm thực phẩm cho gia đình. Một chiếc tàu đánh cá đã giết biết bao nhiêu sinh mạng cá tôm chỉ trong vài tiếng đồng hồ. Cho nên, mạng sống của các loài vật như trâu, bò, heo, dê, gà, vịt, cá, tôm, v.v... chết dưới bàn tay con người hàng vạn vạn, triệu triệu chỉ trong một ngày khắp nơi trên thế giới.

Vì thế, bảo sao con người sống không được bình an, yên vui. Cuộc sống của họ do sống ác nên phải gánh chịu: không bệnh tật thì tai nạn xảy đến, không thiên tai thì lũ lụt, không bão tố thì hỏa hoạn, không chiến tranh nước này thì chiến tranh nước khác, không khổ đau chết chóc kiểu này thì phải khổ đau chết chóc kiểu khác. Nhân nào thì quả nấy không ai có thể tránh khỏi, luật nhân quả rất công bằng. Đừng bảo rằng không có nhân quả, chúng ta chỉ cần nhìn những hành động của mọi người đang sống hằng ngày thì biết ngay cuộc sống của họ như thế nào.

Thật sự mà nói, trên hành tinh này chỉ có loài người là độc ác kinh khủng nhất, không có một loài vật nào ác độc bằng, bởi lòng dạ con người ghê gớm lắm. Chúng ta là những người học và sống theo đạo đức nhân bản - nhân quả của Phật giáo thì nên cảnh giác, đừng vội tin một người nào cả. Vì thế, đức Phật đã từng nhắc nhở chúng ta: “Đừng có tin! Đừng có tin!!!”

Con người thường hô hào sống bình đẳng, nhưng chẳng có bình đẳng chút nào cả, chỉ là khẩu hiệu, chỉ là lời nói suông.

Cho nên, lời nói sự sống bình đẳng như nhau, sự sống rất là cao quý, nhưng xét cho cùng người ta chỉ nói, chứ người ta không xem sự sống ra sao cả. Nói thì nói rất hay, nhưng người ta có thể đâm chém, giết nhau như giết một con heo, con bò, con chó, v.v... không hơn không kém.

Khi một đất nước có chiến tranh thì mạng sống của con người rất mong manh? Chúng tôi đã từng chứng kiến một cuộc tàn sát của quân đội Pháp, tại huyện Củ Chi thuộc tỉnh Gia Định, chỉ có một người lính Pháp bị du kích bắn bị thương, chúng liền vào xóm gần đó đốt nhà cửa của nhân dân, lừa tất cả người già, phụ nữ, trẻ con hơn cả trăm người ra một bãi đất trống, rồi dùng súng sát hại không còn một người nào sống sót. Thật là kinh khủng, hãi hùng tội ác của chiến tranh. Con người giết con người chẳng có chút LÒNG YÊU THƯƠNG. Ôi! Chiến tranh! lòng yêu thương của con người với con người còn đâu nữa!

Một bãi chiến trường để lại biết bao người chết. Vậy sự sống có quý không? Có bình đẳng không? Thừa quý vị!!!

Nhìn con người giết loài vật hằng ngày làm thực phẩm thì biết sự sống đâu còn có ý nghĩa gì cao quý. Giết con vật được thì giết con người cũng vậy thôi.

Loài người thường cướp mạng sống của loài vật để nuôi mạng sống của mình. Vì thế, sự sống của con người rất mỏng manh. Một trận lũ lụt thủy tai, một cơn động đất, một trận hỏa hoạn, một bãi chiến trường thì con người chết như rơm rạ, còn có nghĩa lý gì sự sống cao quý. Phải không quý vị?

Tội ác cướp sự sống của muôn loài vạn vật do con người tạo ra thì con người phải thọ lãnh những khổ đau, chết dần mòn trong bệnh tật, trong tai nạn, trong mọi sự xung đột. Chúng ta không tin điều này thì hãy vào các bệnh viện khắp nơi trên thế giới cũng như trong đất nước của chúng ta, thì chúng ta sẽ nhìn thấy cảnh địa ngục bệnh tật khổ đau này, sẽ nhìn thấy cảnh địa ngục bạo lực gia đình, sẽ nhìn thấy cảnh địa ngục của chiến tranh.

Nhân nào quả nấy không ai có thể tránh khỏi, dù bay lên trời hay chui xuống biển cũng không thoát khỏi. Nhân quả nghiệp báo GIẾT CHÚNG SINH thì đền mạng, giết

một mạng phải đền mười mạng. ĂN THỊT CHÚNG SINH thì phải thọ chịu bệnh tật hoặc tai nạn này, tai nạn khác mà không một ai trốn khỏi. Bằng chứng ấy để cho chúng ta thấy: Có ai ăn thịt chúng sinh mà không đau bệnh bao giờ? Dù là bác sĩ Đông y hay Tây y, chính họ vẫn có bệnh, và đôi khi chính bản thân họ còn phải thọ chịu những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm. Đó là về bản thân, còn những người thân trong gia đình của họ, có người nào không bệnh không? Đừng bảo rằng bác sĩ không bệnh.

Hành động thương yêu loài sâu của cậu bé Brian đã khéo nhắc nhở mọi người hãy YÊU THƯƠNG SỰ SỐNG, hãy TÔN TRỌNG SỰ SỐNG. Sự sống là một điều cao quý nhất trên thế gian này. Đừng làm tổn thương sự sống của mình, của người và của muôn vật, thì may ra sự sống trên hành tinh này mới được bình an, yên vui và hạnh phúc.



Chỉ có lòng yêu thương là thứ duy nhất trên đời này đem lại sự bình an cho mình, cho người như trên đã nói. Cậu bé Rôbetti dám liều mình hy sinh để cứu người khác một cách gan dạ. Vì cứu một em bé mà bàn chân cậu bị bánh xe nghiền nát, nhưng tinh thần YÊU THƯƠNG của cậu cao thượng tuyệt vời, không thể lấy vật gì so sánh với sự hy sinh cao cả ấy:

“Năm học đã bắt đầu bằng một tai họa. Sáng nay, trên đường đi học, tôi đang kể lại cho bố nghe những lời nói chân thành của thầy Pec-bô-ni, thì bỗng thấy đường phố đông nghịt những người. Họ dừng lại

trước cổng trường thị xã. Bố kêu lên: “Chắc đã xảy ra tai nạn gì rồi!”

Chúng tôi phải len vào trường một cách rất khó khăn. Căn phòng lớn chật ních bố mẹ học sinh và cả học sinh, mà các thầy giáo không tài nào cho vào lớp được. Tất cả mọi người đều nhìn về phía cửa phòng thầy hiệu trưởng. Có người nói: “Tội nghiệp cậu bé! Tội nghiệp Rô-bet-ti!” Ở tít đằng cuối phòng lớn, người ta thấy nhô lên trên đám đông cái mũ của một người cảnh vệ thị xã và cái đầu hói của thầy hiệu trưởng. Một ông đội mũ cao vừa đi vào, và người ta thì thầm: “Kìa, bác sĩ”.

Bố tôi hỏi một thầy giáo: “Việc gì vậy, thưa thầy?”

Thầy giáo trả lời: “Xe đê lên chân cậu ấy”.

Một người khác tiếp lời: “Và đã nghiền nát bàn chân cậu ta”.

Người bị nạn là một học sinh lớp hai. Cậu ta đang đi ở đường phố Đô-ra Grôt-xa để đến trường, thì thấy một em bé lớp sơ đẳng tuột khỏi tay mẹ và ngã xuống trước một chiếc xe chở khách đang chạy, chỉ cách

xe có một bước. Lập tức cậu ta dừng cảm lao đến cứu em bé, bế xốc em dậy. Không may bánh xe đè lên chân cậu bé quả cảm. Cậu ta là con trai ông đại úy pháo binh.

Câu chuyện người ta kể cho chúng tôi đến đó thì một người đàn bà hết hoảng, rã đám đâm đông đâm bổ vào trong phòng. Đó là mẹ của Rô-bet-ti, mà người ta vừa báo cho biết.



Một người khác, mẹ của em bé được cứu sống, chạy lại ôm chàng lấy cổ bà mẹ Rô-bet-ti mà khóc nức nở, và dìu bà vào trong phòng thầy hiệu trưởng. Ở bên ngoài, chúng tôi nghe tiếng kêu thất vọng của bà Rô-bet-ti: “Ôi, Giu-li-ô của mẹ, con yêu dấu của mẹ!”

Một lát sau, một chiếc xe đỗ trước cổng và thầy hiệu trưởng đi ra, bế cậu bé bị

thương trên tay. Cậu bé đáng thương, mặt tái nhợt, mắt nửa nhắm nửa mở, đầu tựa lên vai thầy hiệu trưởng. Thấy cậu, mọi người đều im lặng. Người ta chỉ còn nghe tiếng nấc cố nén của bà Rô-bet-ti. Thầy hiệu trưởng dừng lại một chốc trong phòng, nâng cậu Rô-bet-ti lên, như để cho mọi người trông thấy cậu.

Tức thì, thầy giáo, cô giáo, bố mẹ học sinh và học sinh, tất cả đều nói to: “Rôbetti dũng cảm! Cậu bé dũng cảm và đáng thương!”

Người ta gọi đến cậu những cái hôn; các cô giáo và học sinh đứng gần thì hôn hai bàn tay bé nhỏ bất động của cậu. Cậu mở mắt ra và thì thầm hỏi: “Cặp sách của cháu đâu rồi?” Bà mẹ của em bé được cứu sống vừa đưa chiếc cặp ra vừa nói: “Đây, chính bác giữ đây, cháu yêu dấu của bác ạ!”

Nghe con đã nói được, bà Rô-bet-ti mỉm cười. Mọi người đều đi ra. Cậu bé bị thương được đặt nằm cẩn thận trong xe, người ta quát roi cho ngựa chạy. Và tất cả chúng tôi vào lớp học, lặng lẽ và xúc động”.

Những tấm lòng cao cả

Một em bé cứu một em bé thoát chết trong gang tấc, trước mắt mọi người mà không ai kịp phản ứng gì cả. Nếu không có em nhanh chân thì em bé sẽ ra sao? Một bàn chân của em đổi lấy mạng sống của em bé thật là cao cả. Đọc đến đây ai cũng phải xúc cảm rơi nước mắt và chấp nhận lòng hào hiệp cao thượng của cậu bé, biết cứu người dù phải hy sinh thân mạng. Đó là cậu bé Robetti biết đem LÒNG YÊU THƯƠNG đến với em bé, và chắc chắn sẽ đến với mọi người.



*T*rong cuộc sống hằng ngày, có biết bao con người hào hiệp tốt bụng, nhưng chưa có dịp giúp người trong cơn hoạn nạn bằng LÒNG YÊU THƯƠNG chân thật của mình mà thôi.

Tôi còn nhớ một câu chuyện hy sinh mình cứu người của cháu bé Mario. Trước sự sống chết mà dám liều chết để giúp người khác sống về sum họp với gia đình, thật là vĩ đại và cao thượng vô cùng:

“Cách đây mấy năm, vào một buổi sáng tháng mười hai, một chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước rời khỏi cảng Li-vơ-pun. Trên tàu có hơn hai trăm người, kể cả sáu

chục trong thủy thủ đoàn. Thuyền trưởng và hầu hết thủy thủ đều là người Anh.

Trong số hành khách có nhiều người Ý: ba nhà buôn, một linh mục và nhiều nhạc sĩ. Tàu đi về hướng đảo Man-ta. Thời tiết xấu.

Phía đằng mũi tàu, trong số hành khách đi hạng ba có một cậu bé người Ý khoảng mười hai tuổi, bé người so với tuổi nhưng vạm vỡ, với nét mặt khắc khổ và cương nghị của những người đảo Xi-xi-li-a. Cậu ngồi đậy một mình, trên một đồng thùng, tay chống vào một chiếc va-li đã cũ, đựng quần áo. Da mặt cậu màu bánh mật, tóc đen, xoăn lại, rủ xuống đến cổ. Cậu bé tội nghiệp ăn mặc tồi tàn, một chiếc khăn quàng cũ phủ lên hai vai, một bên vai quàng sợi dây đeo cái túi da. Cậu đưa mắt nhìn quanh vẻ lo ngại, nhìn hành khách, con tàu, các thủy thủ chạy ngang trước mặt, nhìn mặt biển đang gầm thét. Trông cậu như vừa phải chịu một nỗi buồn lớn trong gia đình: vẻ mặt ngây thơ mà cái nhìn âu sầu.

Tàu vừa mới nhổ neo được một lúc thì một thủy thủ người Ý tóc hoa râm lên phía

đăng mũ, tay dắt một cô con gái, dừng lại trước mặt cậu bé Xi-xi-li-a và nói: “Đưa đến cho cháu một cô bạn đường đây, Ma-ri-ô à!”

Xong, người thủy thủ đi nơi khác. Cô gái ngồi lên đồng dây thùng, cạnh cậu bé. Họ nhìn nhau.

- Đằng ấy về đâu đấy? - cậu bé Xi-xi-li-a hỏi.

- Về Man-ta, đi qua Na-pô-li - cô bé trả lời, rồi nói thêm - Mình về gặp lại bố mẹ đang chờ mình. Mình tên là Giu-li-et-ta Pha-gi-a-ni.

Cậu bé không nói gì hết. Một lúc sau, cậu lấy trong túi da chiếc bánh mì và những quả khô, cô bé thì có bánh bích quy. Họ cùng ăn.

- Vui đấy - người thủy thủ kêu lên khi đi qua - sắp nháy mưa rồi đấy!

Gió thổi mạnh lên, con tàu tròn trành dữ dội. Nhưng hai đứa trẻ không có máu say sóng, chẳng để ý gì cả.

Cô gái mỉm cười. Tuổi cô cũng gần bằng tuổi người bạn đồng hành, nhưng cao hơn, cũng nước da bánh mật, chắc cũng đã chịu khổ, ăn mặc cũng rất xoàng xĩnh. Một cái

khăn mùi soa màu đỏ buộc mớ tóc xoắn cắt ngắn. Hai tai đeo hai chiếc khuyên bạc.

Họ kể cho nhau nghe chuyện mình. Cậu bé là con mồ côi, bố là công nhân, mới chết ở Li-vo-pun mấy hôm trước, và ông lãnh sự Ý thấy cậu bơ vơ mới gửi cậu về quê ở Pa-lec-mô. Ở đấy cậu mong tìm được vài người có họ xa.

Cô bé thì được một người cô rất thương đưa sang Luân-đôn hồi năm ngoái; bố mẹ cô quá nghèo gửi con đi một thời gian, và người cô hứa sau này nhận cô làm người thừa kế gia tài của mình. Nhưng chỉ mấy tháng sau thì người cô bị một chiếc xe ngựa chệt chệt, không để lại một xu nào. Ông lãnh sự Ý cũng cho cô trở về nước.

Cả hai đều được gửi cho chú thủy thủ người Ý.

- Thế đấy - cô bé nói - bố mẹ mình tưởng mình sẽ trở về giàu có, nhưng sẽ gặp lại con vẫn nghèo như trước. Nhưng bố mẹ mình thương mình lắm, nên dù thế nào mình cũng được đón tiếp vui vẻ. Còn các em trai mình nữa, chúng nó sẽ vui biết mấy khi gặp lại mình. Mình có bốn đứa em cơ, đều còn nhỏ tí, mình là chị cả. Mình may

quần áo cho bọn chúng... Mình về nhà thì vui phải biết. Đến nơi mình bước vào rón rén...

Rồi cô hỏi người bạn đường:

- Thế cậu cũng sắp gặp lại người thân chứ?

- Ừ, nếu họ muốn mình về...

- Những người ấy không yêu cậu à?

- Mình cũng chẳng biết nữa.

- Đến lễ Giáng sinh này, mình mười ba tuổi - cô bé nói.

Họ còn nói chuyện về biển và những người chung quanh. Suốt cả ngày, họ ở cạnh nhau, thỉnh thoảng lại nói với nhau vài câu. Hành khách tưởng họ là anh em. Cô bé đan một chiếc bát tất, cậu bé có vẻ tự lự. Mặt biển mỗi lúc sóng một to.

Đến tối, lúc chia tay đi ngủ, cô bé nói với Ma-ri-ô: “Ngủ ngon nhé!”

- Rồi chẳng ai ngủ yên được đâu, các cháu ạ! - người thủy thủ Ý nói, khi chạy ngang qua vì ông thuyền trưởng gọi.

Ma-ri-ô định chúc lại bạn nhỏ “ngủ ngon”, thì bỗng một ngọn sóng lớn làm cậu ướt hết và xô cậu ngã vào chiếc ghế dài...

- Có bị thương không? - cô bé kêu to và chạy lại.

Hành khách đều hồi hã đi xuống khoang tàu, không ai chú ý đến hai người. Cô bé quỳ xuống bên cạnh Ma-ri-ô đang choáng váng, lau máu ở trán cậu, rồi lấy cái khăn đỏ đang trùm băng cho bạn. Trong khi ôm đầu cậu để buộc băng thì một giọt máu dầy vào cái áo màu vàng của cô.

Ma-ri-ô tỉnh lại dần và đứng lên.

- Đã đỡ chưa? - cô bé hỏi.

- Chẳng sao đâu - cậu trả lời.

- Thôi, ngủ ngon nhé! - Giu-li-et-ta nói.

- Ngủ ngon! - Ma-ri-ô chúc lại.

Rồi họ đi xuống phòng ngủ.

Người thủy thủ đã đoán đúng. Hai đứa bé chưa kịp ngủ thì một cơn bão đã nổi lên. Thật chẳng khác nào một cuộc tấn công dữ dội, chỉ một chốc đã đánh gãy một cột buồm, cuốn mất ba chiếc thuyền treo ở các

ròng rọc phía ngoài mạn tàu, và cả ba con bò ở đằng trước mũi.

Quang cảnh trên tàu hỗn loạn không tả được. Mọi người đều hoảng hốt, kinh hoàng: tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng cầu nguyện đến náo lòng. Con bão mỗi lúc một mạnh lên, suốt cả đêm và rạng sáng thì đến lúc dữ dội hết sức.

Những đợt sóng khủng khiếp tràn qua con tàu, khi theo chiều ngang, khi theo chiều dọc, cuốn đi hoặc đập tan hết mọi vật gặp phải. Sàn tàu phía trên khoang máy bị sứt, nước ào vào âm âm dập tắt hết lửa, những người thợ đốt lò đã phải chạy đi nơi khác. Đâu đâu cũng có nước xối xuống, lênh láng khắp nơi.

Một tiếng nói vang lên: “Bơm nước ra!” Đó là tiếng của ông thuyền trưởng.

Thủy thủ lao đi lấy bơm, nhưng một ngọn sóng lớn bất ngờ đập mạnh vào phía đằng lái, giật đứt các dây chằng, làm tung các cánh cửa, rồi phun nước vào trong như vòi rồng.

Hành khách sợ quá chùng, vào nắp cả trong gian phòng lớn. Có lúc, thấy thuyền

trưởng vào, tất cả mọi người đều nhao nhao lên hỏi: “Thuyền trưởng! Thuyền trưởng! Liệu có việc gì không? Còn chút hy vọng nào không? Cứu chúng tôi với!”

Ông thuyền trưởng chờ cho mọi người im lặng, mới lạnh lùng nói: “Hãy kiên nhẫn chịu đựng”.

Một người đàn bà một mình hét lên: “Thương hại tôi với!”

Không ai còn nói lên một lời được nữa, nỗi khiếp sợ làm cho những người khốn khổ kia như tê dại. Một hồi lâu trôi qua, im lặng như trong cõi chết. Người ta nhìn nhau, hốc hác, kinh hoàng. Có một lúc, ông thuyền trưởng thử cho hạ xuống biển một chiếc thuyền. Năm thủy thủ bước vào, chiếc thuyền từ từ hạ xuống... Vừa mới chạm mặt biển, một đợt sóng to đã xô đến lật úp ngay chiếc thuyền. Hai thủy chết đuối, trong đó có người thủy thủ Ý. Những người khác phải chặt vật lăm mới nắm được đầu dây để leo lên tàu. Sau cơn thử thách, chính các thủy thủ cũng đã nản lòng. Hai tiếng đồng hồ trôi qua... Con tàu chìm dần, nước ngập đến các bao lon.

Bấy giờ, một cảnh tượng khủng khiếp diễn ra trên sàn tàu. Những bà mẹ ôm chặt con vào lòng một cách tuyệt vọng; những người bạn ôm hôn nhau vĩnh biệt. Có người xuống các buồng dưới để khỏi phải nhìn thấy mặt biển.

Một người khách tự bắn một phát súng ngắn, ngã vật xuống cầu thang và tắt thở. Những người khốn khổ khác, trước cái chết đang đến gần, chen chúc nhau như điên, như cuồng.

Người ta nghe lẫn lộn, hỗn độn những tiếng kêu khóc, tiếng hét của trẻ em, những giọng xé óc lạ lùng, và người ta đã thấy chỗ này, chỗ kia những người không cử động, kinh hoàng, đôi mắt mở to nhưng không nhìn thấy gì nữa, như mắt người điên. Ma-ri-ô và Giu-li-et-ta, hai tay ôm chặt một cột buồm, mắt nhìn chăm chăm ra biển. Mặt biển đã yên hơn một chút, nhưng con tàu vẫn tiếp tục chìm từ từ. Chỉ vài phút nữa là nó sẽ nằm dưới đáy biển.

- Thả xuống xuống biển! - ông thuyền trưởng ra lệnh.

Chiếc xuống cuối cùng được hạ xuống mặt nước. Mười bốn thủy thủ và ba người

khách xuống theo. Ông thuyền trưởng ở lại trên tàu.

- Xin thuyền trưởng xuống đây với chúng tôi! - người ta gọi ông từ bên dưới.

- Ta phải chết ở vị trí của ta - thuyền trưởng nói.

Những người thủy thủ ở dưới lại kêu to: “Chúng ta sẽ gặp một chiếc tàu khác và sẽ được cứu sống. Xin thuyền trưởng xuống mau, không nguy mất!”

- Ta ở lại!

Những người thủy thủ lại hướng về hành khách và kêu to: “Còn chỗ cho một người, một người đàn bà!”

Một người đàn bà bước ra, ông thuyền trưởng diu bên cánh tay nhưng nhìn thấy chiếc xuồng cách xa tàu, không đủ can đảm nhảy xuống, người đàn bà lại ngã xuống sàn tàu. Những người đàn bà khác thì đều đã ngất đi hay gần như chết cả.

Những người thủy thủ lại kêu to: “Cho một đứa bé xuống!”

Nghe vậy, cậu bé xứ Xi-xi-li-a và cô bạn đường, từ nãy đứng im như đã hóa đá,

bỗng như sực tỉnh, với bản năng sinh tồn, họ lao ra thành tàu và hét: “Tôi! Tôi!” và xô đẩy nhau như hai con dã thú.

- Đứa bé thôi! - Những người thủy thủ kêu - Thuyền nặng lắm rồi, đứa bé thôi”.

Nghe thế, cô bé sững sờ, buông thông hai tay, đứng im, nhìn Ma-ri-ô với đôi mắt như của người sắp chết.

Ma-ri-ô cũng nhìn cô bé, và trông thấy vết máu trên áo cô, nhớ lại việc làm tốt bụng của người bạn nhỏ, và một ý nghĩ cao thượng vụt đến, làm rạng rỡ khuôn mặt cậu.

Những người thủy thủ lại sốt ruột hét lên: “Cho đứa bé xuống đi!”

Thế là Ma-ri-ô hét to, giọng chẳng có gì là của một người ở trần thế nữa: “Cô ấy nhẹ hơn tôi!... Giu-li-et-ta, xuống đi! Bạn còn bố, còn mẹ, tôi chỉ có một mình... Tôi nhường chỗ cho bạn. Xuống ngay đi!”

- Vứt con bé xuống đây! - những người thủy thủ lại giục.

Ma-ri-ô liền ôm ngang lưng Giu-li-et-ta và ném xuống. Cô bé thét lên một tiếng và

roi xuống nước. Một thủy thủ nắm được tay cô và lôi lên xuồng.

Cậu bé xứ Xi-xi-li-a đứng ở mạn tàu, đầu ngẩng cao, mái tóc bay trước gió, bất động, cao cả, tuyệt vời.

Chiếc xuồng đã kịp ra xa để tránh bị cuốn vào vùng nước xoáy, khi chiếc tàu chìm xuống biển.



Bấy giờ, Giu-li-et-ta, cho đến lúc ấy bàng hoàng chẳng biết gì cả, ngược mắt nhìn Ma-ri-ô và bật ra khóc nức nở, giơ hai tay lên về phía cậu, Giu-li-et-ta thét lên: “Vĩnh biệt, Ma-ri-ô! Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! Vĩnh biệt!”

“Vĩnh biệt!” - cậu bé đáp lại.

Chiếc xuồng bơi nhanh ra xa trên mặt biển hung dữ, dưới bầu trời âm u. Trên tàu chẳng còn nghe ai kêu gào nữa, nước đã tràn qua sàn tàu.

Giu-li-et-ta úp mặt vào hai tay. Khi cô ngẩng đầu lên và nhìn ra mặt biển, thì chiếc tàu đã biến mất!...”

Những tấm lòng cao cả

Tuy rằng đây chỉ là câu chuyện, nhưng trước cảnh sinh ly tử biệt của hai cháu bé Giulietta và Mario, chúng biết nhường sự sống cho nhau thật là cao thượng. Đành rằng sự sống rất là quý, nhưng biết đem sự sống của mình làm một việc nghĩa thì sự sống ấy còn cao quý hơn. Mario đã biết đem sự sống của mình giúp cho Giulietta vui xum hợp với những người thân trong gia đình thật là tuyệt vời. Đọc đến đây ai mà không xúc động rơi nước mắt, nhất là những cháu bé tuổi còn thơ ngây mà còn biết hy sinh mình như vậy, thật là một tấm gương sáng cho chúng ta soi. Phải không quý vị?

Lòng yêu thương của cháu bé Mario thực hiện đúng nghĩa Yêu Thương, và người xứng đáng nhận lòng yêu thương ấy là cháu Giulietta. Người cho và người nhận thật đúng nghĩa sống làm người, đời đời người ta sẽ nhớ mãi không quên những tấm gương hy sinh này.

Trên đây là lòng yêu thương con người với con người, nhất là các cháu tuổi còn học trò mà đã nêu gương LÒNG YÊU THƯƠNG cao thượng sáng chói, khiến cho chúng ta càng yêu thương và yêu thương mãi mãi. Nhờ có lòng yêu thương chúng ta mới tha thứ những lỗi lầm của nhau; nhờ có yêu thương chúng ta mới đem lại sự sống bình yên cho nhau; nhờ có lòng yêu thương chúng ta mới biết tôn trọng sự sống của nhau, mới biết quý trọng cuộc sống của muôn loài hơn nhiều.

LÒNG YÊU THƯƠNG! Lòng yêu thương sẽ đem lại sự bình an, yêu vui và hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội.



Cũng từ lòng yêu thương ấy, mà chúng ta biết thực hiện cho quê hương, xứ sở, cho đất nước, tổ quốc của mình, thì lòng yêu thương ấy trở nên rộng rãi bao la và cao quý vô cùng, vô tận, đó là LÒNG YÊU THƯƠNG TỔ QUỐC.

Nói đến lòng yêu thương Tổ quốc là nói đến bao anh hùng liệt sĩ của đất nước, đã oanh liệt dũng cảm hy sinh cho Tổ quốc.

Lịch sử còn ghi lại và đã chứng minh những điều ấy. Từ tổ Hùng Vương dựng nước, đến ông cha của chúng ta đã trải qua nhiều đời, họ đã ngã xuống để bảo vệ mảnh đất này, họ đã đem máu xương tô đắp cho

quê hương này. Ngày nay, đất nước Việt Nam có một nền độc lập, tự do, hạnh phúc mà toàn dân đang được thọ hưởng, là nhờ bao công lao của tổ tiên và của ông bà chúng ta quá lớn. Là một công dân Việt Nam, tất cả chúng ta là con cháu nhiều đời của tổ tiên. Vì vậy, đời đời chúng ta không thể quên ân ấy được.

Trong chiến tranh, để bảo vệ nền độc lập tự do cho toàn dân có được như ngày hôm nay, là biết bao công lao của các anh hùng liệt sĩ. Kể từ vua Hùng Vương đến ngày nay, xương của dân tộc chúng ta chất như núi, máu của dân tộc chúng ta chảy thành sông. Nhìn bản đồ từ Nam, chí Bắc, đâu đâu cũng có nghĩa trang liệt sĩ. Nhưng những nghĩa trang liệt sĩ ấy chỉ ghi lại những anh hùng liệt sĩ trong công cuộc kháng chiến, chiến đấu đuổi giặc kể từ năm 1945, đến năm 1975. Còn tính từ năm 1945 trở về trước, có biết bao nhiêu anh hùng liệt sĩ vô danh đã vì Tổ quốc hy sinh mình, mà không được ghi tên vào sử sách và nghĩa trang như bây giờ.

Ngày mai, con cháu của chúng ta còn thấy đâu di tích ấy. Tuy các đền thờ của các

Ngài còn đó, hồn thiêng sông núi còn kia, nhưng con cháu chúng ta lấy gì để làm một dấu ấn trong tâm, để nói lên hành động LÒNG YÊU THƯƠNG TỔ QUỐC?

Vì vậy, hôm nay chúng ta muốn nói lên lòng yêu thương tổ quốc, là chúng ta phải làm những gì tốt đẹp cho Tổ quốc, dù việc làm lớn, hay việc làm nhỏ, cũng phải luôn luôn tô thêm những danh dự cho Tổ quốc, tránh không được làm ảnh hưởng, mang tiếng xấu cho Tổ quốc. Chúng ta phải làm rạng danh con Tiên, cháu Rồng, mà không cần phải ghi vào sử sách; mà không cần ai biết đến, chỉ biết mình lúc nào cũng bảo vệ danh dự Tổ quốc trên hết, không để cho một người nào dám lăng nhục dân mình, Tổ quốc mình:

“Năm trước, một chiếc tàu Tây Ban Nha rời bến Bardêlôna, để đi Giê nô va. Trên tàu, trừ người Tây Ban Nha, còn có một số người Pháp, người Italia, người Thụy Sĩ và nhiều người khác nữa. Trong những hành khách, người ta nhận thấy một đứa trẻ độ 11 tuổi, ăn mặc nhom nhếch, đứng riêng một chỗ và nhìn những người kia bằng đôi mắt hằm hằm. Nó nhìn như thế cũng

không hẳn là không có cơ. Cha mẹ nó là nông dân ở gần Padôva, cố nhiên là nghèo túng, hai năm trước vì tham tiền, đã cho nó đi ở với một người chủ xiếc rong. Người này dạy nó một vài món nháy, lộn, rồi bắt nó theo sang Pháp và Tây Ban Nha. Nó bị hành hạ luôn tay và ăn uống không đủ.

Đến thành Bardêlôna, không thể chịu được cái đời sống khổ ải ấy nữa, đứa trẻ khôn nạn liền trốn chủ, đến cầu cứu viên lãnh sự Italia. Động mối thương tâm, viên lãnh sự xin cho nó một chỗ trong tàu nói trên, và cho nó một lá thư giới thiệu cùng ông thị trưởng thành Giê nôva, nhờ ông trả về cho cha mẹ nó, những người đã bán nó như một con vật.

Thằng bé gầy còm, yếu đuối và mặc bộ quần áo rách. Người ta cho nó ngồi phòng hạng nhì. Hành khách ai cũng nhìn nó, có người hỏi nó, song nó không trả lời. Nó có vẻ căm ghét mọi người vì những sự khốc khổ và hành phạt đã làm cho nó oán hận và không có cảm tình. Tuy nhiên, có ba người hành khách đã khéo làm cho nó hé răng. Nó kể chuyện nó bằng tiếng Italia pha giọng Tây Ban Nha. Ba người khách

kia không phải là dân Italia nhưng cũng thương nó, cho tiền để nó nói chuyện, nghe cho đỡ buồn. Đồng thời, có mấy thiếu phụ đi qua, ba ông quý khách hãnh diện ném thêm tiền xuống bàn loảng xoảng và nói: "Cầm lấy! Cầm lấy nữa này!"

Đứa bé sung sướng, vợ tiền bỏ túi, cảm ơn rồi vào phòng. Nó buông màn cửa xuống, ngồi yên lặng và nghĩ đến những việc nó sẽ phải làm.

Nó nghĩ: Với số tiền ấy, nó sẽ được ăn no, không phải thèm nhặt như trước. Khi tới Giê-nô-va, nó sẽ sắm một bộ cánh mới để thay bộ quần áo nó đeo hai năm trời nay, rách như tổ đĩa. Nó lại định để ra một ít tiền đem về cho cha mẹ, chắc là được sẵn đón và quý hoá hơn là về tay không. Số tiền ấy đối với nó là một món tiền to. Ngồi sau rèm cửa, nó trừ đi tính lại và trong lòng thấy khoan khoái nhẹ nhàng.

Lúc ấy, ba người khách nói trên đang ngồi ở buồng ăn, quây quần uống rượu và nói chuyện về những cuộc du lịch của mình, cùng phong tục những nước đã đi qua. Tình cờ, câu chuyện nhằm vào nước Italia. Một người bắt đầu phàn nàn về

khách sạn, người chèo về xe lửa. Cuối cùng, rượu say, họ thi nhau nói xấu tất cả những gì thuộc về nước Italia. Người thứ nhất nói biết thế, họ sẽ đi du lịch xứ Lappôn (ở cực bắc châu Âu), còn hơn sang nước Italia. Người thứ nhì nói quả quyết rằng, ở Italia hẳn gặp toàn thị những phường quý quyết và những quân cường đạo. Người thứ ba nói thêm rằng:

- Những người từng sự nước Italia không biết chữ.

Người thứ nhất nói:

- Đó là một dân tộc ngu dốt!

Người thứ nhì tiếp:

- Bẩn thỉu!

- Và ăn...

Người thứ ba định nói câu "ăn cắp", nhưng chưa dứt lời thì một trận mưa toàn tiền vàng và bạc hắt vào mặt những người ấy, rơi tung toé xuống bàn và trên sân. Ba người hăm hăm đứng dậy xem trận mưa dữ ấy ở đâu ra thì lại bị ném thêm.

Cậu bé thành Padôva vén rèm, thò đầu ra, hét bằng giọng khinh bỉ:

- *Cầm lại tiền của các người. Ta không thèm nhận của bố thí từ các người, những kẻ đã lãng mạ nước ta*".

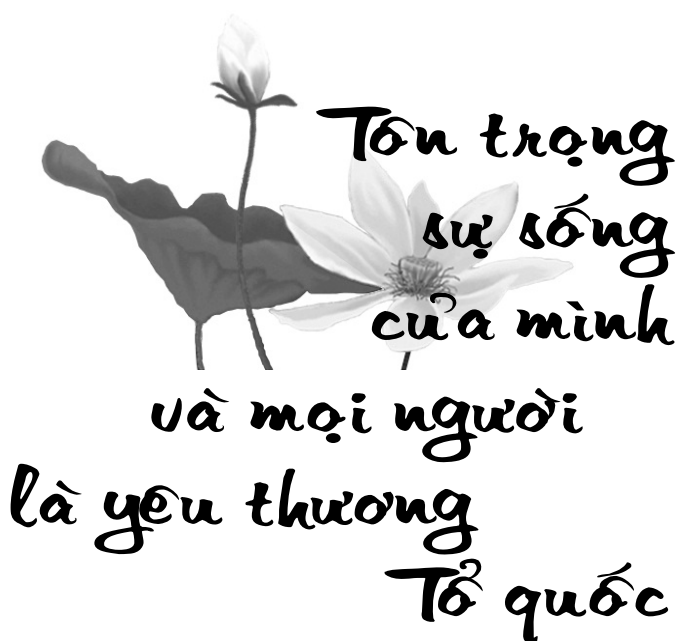


Một cậu bé 11 tuổi mà biết bảo vệ Tổ quốc mình. Khi bị người ta nói những lời mạ nhục dân tộc mình, nói xấu dân tộc mình, thì cậu thà chết đói chứ không nhận tiền bạc của những người đê hèn, xấu xa, chỉ biết nói xấu nước người khác. Tinh thần bảo vệ Tổ quốc của cậu bé thật là đáng khen, đáng làm gương cho chúng ta. Chúng ta cần phải học hỏi ở những gương hạnh này, để không phụ công ơn của tổ tiên, ông bà, chú bác, anh chị em đã có công dựng nước và giữ nước.

Yêu nước không chỉ có nghĩa vụ cầm súng đánh giặc, để bảo vệ biên cương lãnh

thổ; yêu nước là bảo vệ Tổ quốc mình, không để cho một người nào thóa mạ, lăng nhục Tổ quốc; yêu nước là không để cho một người nào chửi mắng, nói xấu dân tộc mình. Cậu bé thành Padôva thật đáng cho chúng ta khâm phục. Cậu được những người này bố thí cho cậu rất nhiều tiền, nhưng khi nói xấu dân tộc cậu là cậu ném trả lại tất cả tiền bạc, và nói thẳng vào mặt của những người thiếu văn hóa, không lịch sự, thiếu lễ độ, không biết tôn trọng đối với một dân tộc nước khác: ***“Cầm lại tiền của các người. Ta không thèm nhận của bố thí từ các người, những kẻ đã lăng mạ nước ta”***. Lời nói tuy ngắn gọn của cậu bé nhưng đầy đủ ý nghĩa của một người yêu thương đất nước.

Người công dân trong một nước biết tôn trọng quê hương tổ quốc của mình, thì cũng phải biết tôn trọng quê hương tổ quốc của người khác. Cớ sao lại chê bai nói xấu dân tộc nước khác. Cháu bé thật xứng đáng là một công dân nước Ý, một gương YÊU THƯƠNG TỔ QUỐC mà chúng ta cần phải học hỏi ở cậu bé này rất nhiều.



Con người đối với con người khi gặp nhau đều nên nói tốt cho nhau, đừng nói xấu nhau, nói xấu nhau là thiếu xây dựng, thiếu trách nhiệm với Tổ quốc, vì mỗi người là một công dân trong nước. Cho nên nói xấu người là nói xấu Tổ quốc. Các cháu có biết không?

Người biết yêu thương Tổ quốc là người không nói xấu một người nào cả, nói xấu

một công dân trong nước đó là phỉ báng đất nước đó. Người có đạo đức là người biết tôn trọng mình và người, biết tôn trọng mình và người là biết tôn trọng Tổ quốc. Còn những hạng người thiếu đạo đức, thiếu văn hóa thì khi gặp người này nói theo người này và nói xấu người kia, hoặc nói lời ly gián khiến cho người này ghét người kia. Đó là những hạng người xấu xa, đê tiện, hèn nhát, thiếu đạo đức, v.v... Xã hội không dùng những hạng người đó.

Khi gặp những người hay nói xấu người khác là chúng ta không nên thân cận với họ, tìm mọi cách tránh xa. Họ là những con vi trùng bệnh truyền nhiễm không có thuốc trị, họ là những người gây rối trật tự gia đình và xã hội, tạo ra cảnh cãi cọ, xung đột. Họ là mầm mống đau khổ, gây tạo ra chiến tranh. Trong đời sống hằng ngày, những hạng người này không phải là ít, chỉ cần chúng ta chịu khó lắng nghe họ nói chuyện là biết ngay liền người xấu hay người tốt.

Người tốt không bao giờ nói xấu một ai cả, chỉ có những người xấu mới nói xấu người khác. Cho nên, những hạng người này rất khó sửa đổi tính tình, dù muốn, dù

không. Nếu họ không tự giác thấy những điều nói xấu người khác là sai, là người xấu ác, thì họ cũng không làm sao trở thành người tốt được. Bởi thói nào tật nấy nên rất khó sửa đổi. Phải không các cháu?

Trong chiến tranh tại quê hương Việt Nam, chúng ta rút ra một bài học có kinh nghiệm thiết thực. Nếu mọi người ai cũng như cậu bé không tham tiền trong câu truyện ở trên, thì đất nước làm sao có giặc ngoại xâm. Đất nước còn giặc ngoại xâm là do những người tham quyền lợi. Giặc lợi dụng chỗ tham quyền lợi ấy mới mua chuộc, nhờ đó giặc mới rõ đường đi, nước bước trong nước. Bởi vậy, không có nội gián thì làm sao có ngoại xâm.

Trên thế giới nước nào mãi có chiến tranh là đất nước đó có những người tham quyền, cố vị làm nội gián.

Lịch sử đã nhắc nhở và chỉ cho chúng ta thấy rõ, quyền và lợi đã làm mờ mắt những nhà lãnh đạo. Thường đất nước bị chia đôi đều do tranh quyền và cố vị, mà dân tộc phải chịu khổ đau vô vàn.

Xương trên dòng sông Gianh, hận tương tàn dân tộc còn đó. Máu dưới dòng Bến

Hải, buồn phân ly nòi giống còn đây. Ôi! Đau thương biết mấy khi đất nước bị chia đôi.

Cho nên, sự thương đau chia rẽ của một dân tộc không phải vì quyền lợi sai khiến thì còn vì cái gì nữa? Những trang sử ấy không thể nào quên được. Phải không các cháu?

Quyền, lợi đã đánh mất LÒNG YÊU THƯƠNG TỔ QUỐC, đó là một điều mà không ai dám phủ nhận. Yêu thương tổ quốc là yêu thương dân tộc, tức là không làm cho dân tộc khổ đau, không làm nhục cho Tổ quốc, thường đem lại sự an vui, tự do, bình đẳng, nghề nghiệp, công ăn việc làm cho toàn dân. Nhờ đó nước giàu, dân mạnh, cơm ăn áo mặc được đầy đủ.

Bảo vệ được nền độc lập, tự do, hạnh phúc của một đất nước không phải là việc dễ làm. Máu xương của dân tộc phải đổ biết bao nhiêu trên mảnh đất quê hương này mới có được nền độc lập, tự do, hạnh phúc như ngày hôm nay.

Cho nên, những bài học THƯƠNG YÊU TỔ QUỐC càng học nhiều càng thấm thía công ơn của tổ tiên dựng nước và giữ nước.

Đất nước Việt Nam hôm nay được sánh vai cùng với các nước trên thế giới, không thua kém một đất nước nào. Đó là một danh dự rất lớn cho Tổ quốc mà tổ tiên, ông bà, cha mẹ và anh chị em của chúng ta đã đổi lấy bằng máu và nước mắt, để lại cho con cháu mới có ngày hôm nay.

Vì danh dự Tổ quốc, chúng ta là con cháu phải mãi mãi tỏ ra xứng đáng là những công dân Việt Nam tốt, không nên làm một điều gì ảnh hưởng xấu cho quê hương. Dù có đi và ở bất cứ một nước nào trên thế giới, dù chúng ta có mang quốc tịch một đất nước nào, thì chúng ta cũng vẫn là người Việt Nam, cũng vẫn hướng về tổ quốc Việt Nam, một lòng yêu thương đất nước Việt Nam. Phải không các cháu?

Là một người Việt Nam, thà chết chứ không để người nước khác lăng nhục tổ quốc, sỉ nhục dân tộc mình.

Hỡi các cháu nam nữ thanh niên và nam nữ thanh thiếu niên, hãy vì tổ quốc Việt Nam mà siêng năng học tập, để trở thành những công dân tốt và hữu ích cho bản thân, gia đình và đất nước của mình.

Các cháu là mầm non của Tổ quốc, là những anh hùng tương lai của đất nước, các cháu hãy tránh xa những tệ nạn xã hội. Đó là những nơi rượu chè say xỉn, những nơi bài bạc hút chích, những nơi mua dâm, mại dâm, những nơi dâm thuê chém mướn, cướp bóc tài sản của người khác, những hành động sống vô đạo đức, xấu xa, đê hèn, hạ tiện, v.v... Khi các cháu sa ngã vào bốn chỗ này, người ta sẽ đánh giá các cháu là những thanh niên và thanh thiếu niên nam nữ Việt Nam hư thân mất nết. Vô tình các cháu bị người ta đánh giá như vậy là các cháu có tội với Tổ quốc, các cháu đã làm sỉ nhục quê hương đất nước, làm sỉ nhục Tổ tiên, ông bà, cha mẹ của các cháu. Các cháu có biết không?

Vì vậy, các cháu cần phải tránh những nơi đó. Những nơi đó sẽ đưa các cháu vào con đường tội lỗi, trụy lạc, hư thân, mất nết, và làm hư hại tương lai cuộc đời của các cháu. Các cháu cứ suy nghĩ đi! Có đúng không?

Nếu các cháu tức giận hay có một thái độ gì không vừa ý, rồi thốt ra những lời thô lỗ, tục tũn, hoặc chửi thề... thì các cháu đã

tự làm sỉ nhục các cháu. Làm sỉ nhục các cháu là làm sỉ nhục Tổ quốc của các cháu. Tại sao vậy?

Vì các cháu là con Tiên, cháu Rồng, đại diện cho dân tộc Việt Nam, mà nói ra những lời thiếu văn hóa, thiếu đạo đức tôn trọng mình, tôn trọng người là không còn xứng đáng người công dân Việt Nam.

Một lần nữa các cháu nên nhớ, nếu các cháu đã sa ngã vào những con đường tội lỗi, và nói những lời thiếu văn hóa là các cháu đã làm sỉ nhục Tổ quốc, đã làm mất danh dự cho đất nước Việt Nam. Một đất nước mà thanh niên và thanh thiếu niên nam nữ thiếu văn hóa và đạo đức như vậy, thì không xứng đáng sánh vai cùng các nước trên thế giới. Rất nhục nhã các cháu ạ!

Là thanh niên và thanh thiếu niên nam nữ Việt Nam, các cháu phải sống đời đạo đức có văn hóa, biết tôn trọng mình và tôn trọng người, biết nói những lời ôn tồn, nhã nhặn, nhẹ nhàng với mọi người, không bao giờ nói lời cộc cằn, thô lỗ, chửi thề, v.v... Nhất là các cháu thanh niên và thanh thiếu niên nam nữ hãy tránh xa những nơi ăn chơi, rượu chè, đàn điếm, bài bạc, hút

chích, v.v... Đó là nơi sinh ra những tệ nạn xã hội, nơi đó là nơi sẽ đưa các cháu trở thành những con người làm sỉ nhục Tổ quốc. Các cháu có biết không?

Các cháu hãy noi gương em bé người Ý 12 tuổi, dám hy sinh thân mạng của mình vì Tổ quốc:

“Bấy giờ là năm 1859, trong cuộc chiến tranh giải phóng xứ Lôm-bac-đi-a, vài ngày sau trận Xôn-phê-ri-nô và Xan Mac-ti-nô, mà quân Pháp và quân Ý đã chiến thắng quân Áo

Một buổi sáng tháng sáu đẹp trời, một trung đội kỵ binh Xa-lu-set đi bước một về phía quân địch, trên con đường nhỏ vắng vẻ, trình sát cánh đồng một cách kỷ lưỡng. Đội kỵ binh do một sĩ quan và một hạ sĩ chỉ huy; họ nhìn xa xa phía trước, im lặng, sẵn sàng nhận ra ngay những bộ quân phục màu trắng của các đội tiền vệ quân thù xuất hiện. Cứ thế, họ đi đến một ngôi nhà con con kiểu thôn quê, xung quanh trồng toàn cây tần bì; trước nhà có một cậu bé độ mười hai tuổi đang cầm dao róc vỏ một cành tần bì để làm cái gậy. Trước cửa sổ treo một lá cờ to ba màu; trong nhà

chẳng còn một bóng người. Những người nông dân treo cờ lên rồi trốn đi vì sợ quân Áo. Trông thấy toán kỵ binh, cậu bé liền ném gậy xuống đất và cất mũ lưỡi trai chào. Cậu bé khôi ngô, tóc bạch kim, vẻ mặt bạo dạn, đôi mắt to xanh. Cậu mặc sơ mi và giữa hai tà áo lộ ra bộ ngực trần.

- Cậu làm gì ở đây? - người sĩ quan dừng ngựa lại hỏi - Sao không trốn đi với gia đình?

- Cháu không có gia đình - cậu bé trả lời - Cháu là con rơi. Cháu làm cho ai muốn thuê. Cháu ở lại đây để xem đánh nhau.

- Cháu có thấy quân Áo đi qua đây không?

- Không, từ ba hôm nay chẳng thấy gì hết.

Viên sĩ quan làm thỉnh một lát, rồi xuống ngựa. Cho lính đứng quay mặt về phía quân địch, viên sĩ quan vào nhà và trèo lên mái. Nhưng ngói nhà thấp, từ trên mái người ta chỉ nhìn thấy được một khoảng nhỏ của cánh đồng.

“Phải trèo lên cây mới được” - viên sĩ quan vừa tụt xuống vừa nói.

Ngay trước lối vào nhà, có một cây tần bì cao chót vót, ngọn cây đu đưa trên nền trời xanh. Viên sĩ quan suy nghĩ, nhìn cái cây, lại nhìn những người lính, rồi đột nhiên hỏi cậu bé:

- Mắt cậu có tinh không?

- Cháu ấy à, cháu có thể nhìn thấy một con chim cách xa nghìn bước.

- Cậu có thể trèo lên tới ngọn cây này không?

- Trèo lên trên cây này à? Cháu chỉ cần hai phút thôi.

- Và cậu có thể cho tôi biết những gì cậu sẽ trông thấy từ trên ấy: có lính Áo ở phía nào, có bụi tung lên, có ngựa hay có súng lấp lánh không?

- Chắc chắn, cháu có thể báo cho bác.

- Giúp tôi việc ấy cậu muốn trả công cái gì nào?

- Cháu muốn ấy à - cậu bé vừa cười, vừa trả lời - Chẳng muốn gì hết... Nếu làm cho bọn Áo thì bất kỳ giá nào cháu cũng không... nhưng với quân ta thì... Cháu là người Lô-m-ba mà...

- *Tốt lắm, thế thì trèo lên!*

- *Hãy hượm, để cháu cởi giày đã.*

Cậu bé bỏ giày ra, thắt chặt dây lưng quần, ném cái mũ xuống cỏ và ôm quàng lấy thân cây.

- *Cẩn thận!* - viên sĩ quan kêu lên, hình như bỗng nhiên lo sợ.

Cậu bé quay lại, đôi mắt xanh nhìn viên sĩ quan như muốn thăm hỏi điều gì.

- *Chẳng có gì đâu* - viên sĩ quan nói - *Cứ leo đi...*

Cậu bé leo thoăn thoắt như một con mèo.

Chỉ phút chốc cậu đã đến tận ngọn cây cao chót vót, đôi chân mát hút trong tán lá, nhưng để lộ cả đầu và ngực. Mặt trời chiếu vào, đầu tóc bạch kim của cậu như lấp lánh ánh vàng. Viên sĩ quan chỉ hơi thấy cậu thôi, vì ở trên cao người cậu bé tí.

- *Nhìn thẳng phía trước, và nhìn xa coi!*
- viên sĩ quan gào to.

Để nhìn cho rõ, cậu bé buông tay phải đang vịn vào cành cây, đưa lên che mắt.

- *Thấy gì không?* - viên sĩ quan hỏi.

Cậu bé nghiêng mình xuống phía viên sĩ quan, lấy bàn tay làm loa đáp:

- *Có hai người cưỡi ngựa trên đường cái.*
- *Cách đây bao xa?*
- *Cách một nghìn hoặc một nghìn hai trăm bước.*
- *Chúng nó đi đến à?*
- *Chúng nó đang đứng lại.*
- *Còn thấy gì nữa không? - viên sĩ quan lại hỏi sau một lúc im lặng - Hãy nhìn sang phía bên phải.*

Cậu bé nhìn về phía bên phải, rồi nói:

- *Gần nghĩa địa, giữa các thân cây có vật gì óng ánh, hình như lưỡi lê.*
- *Có thấy người không?*
- *Không, chúng đều nấp trong lúa mì.*

Đúng lúc ấy, một tiếng đạn bay qua, rít lên trên không, rồi tắt đi rất xa ở phía sau mái nhà.

- Xuống đi! - viên sĩ quan hét lên - Chúng nó trông thấy đấy, tôi không muốn biết thêm gì nữa đâu, xuống!...

- Cháu không sợ đâu! - cậu bé trả lời.

- Xuống... Tôi bảo xuống!

- Hượm tí! Kia kìa, phía bên trái cháu thấy...

Cậu bé bị ngắt lời vì một tiếng đạn rít khác bay qua, thấp hơn tiếng trước. Cậu rùng mình, thốt lên: “Bọn Áo quỷ sứ! Chúng nó kiếm chuyện với mình chắc!”

Viên đạn đã rít ngay bên tai cậu.

- Xuống ngay lập tức! - Viên sĩ quan hét lên, giọng ra lệnh và bức tức.

- Cháu xuống đây! - cậu bé trả lời - Có cây che, cứ yên trí. Bác có muốn biết phía bên trái có gì không?

- Không! - viên sĩ quan đáp - Không cần, xuống đi!

- Phía bên trái - cậu bé gào to và nghiêng nửa người về phía ấy - Hình như cạnh nhà thờ, thấy có...

Một viên đạn thứ ba lại rít lên trên ngọn cây, và ngay đó cậu bé ngã nhào, tay cố bấu vào thân cây và cành cây, rồi rơi, đầu lộn xuống phía đất, hai tay dang rộng...

- Chết chữa! - viên sĩ quan vừa kêu lên vừa chạy tới. Cậu bé ngã ngửa, nằm sòng xoài trên mặt đất, hai cánh tay tréo vào nhau. Một tia máu từ trong ngực chảy ra. Viên hạ sĩ và hai người lính nháy xuống ngựa, trong khi viên sĩ quan cúi xuống cởi phanh áo sơ mi cậu bé ra. Viên đạn đã vào trong phổi bên trái của cậu.

- Chết rồi - viên sĩ quan kêu lên.

- Không, còn sống - viên hạ sĩ nói.

- Ôi! Thương thay cậu bé dững cảm! - viên sĩ quan nói - Dững cảm, dững cảm lên!

Trong khi viên sĩ quan nói và thắm khăn tay lên vết thương của cậu bé, thì cậu mở mắt ra, đôi mắt to lạ thường, nhưng tròng mắt đã đung, và đầu cậu gục xuống bất động. Cậu đã chết.

Viên sĩ quan mặt tái đi, nhìn cậu bé đang nằm trên bãi cỏ một hồi. Rồi đứng dậy, rồi quay lại nhìn nữa, trong khi mấy người lính đứng im lặng bên cạnh ông ta. Những người lính khác thì quay mặt về phía quân thù.

- Tội nghiệp cậu bé! - viên sĩ quan buồn rầu nhắc lại - Tội nghiệp cậu bé dũng cảm!

Đến gần ngôi nhà, viên sĩ quan tháo lá cờ ba màu ở cửa sổ ra để phủ lên mình cậu bé như một tấm vải liệm, chỉ để chừa khuôn mặt. Viên hạ sĩ nhật đôi giày, cái mũ, cây gậy đang làm dở, con dao của cậu, đem để bên cạnh cậu...

Viên sĩ quan im lặng một lúc, rồi quay lại nói với viên hạ sĩ:

- Ta hãy đi gọi đội quân y dã chiến đến. Cậu bé đã hy sinh như một quân nhân, phải để quân đội mai táng.

Nói xong, viên sĩ quan giơ tay gửi một cái hôn đến cậu bé đã hy sinh, và ra lệnh: "Lên ngựa!"

Quân lính lên ngựa, và trung đội tiếp tục hành quân.

Vài giờ sau, cậu bé được khâm liệm theo nghi thức trọng thể của quân đội.

Lúc mặt trời lặn, toàn thể tuyến tiền tiêu của quân Ý tiến thẳng về phía quân địch.

Trên con đường sáng hôm ấy kỵ binh đi qua, tiến lên theo hai hàng là một tiểu đoàn pháo thủ, mà mấy hôm trước đã anh dũng đổ máu ở trận Xan Mac-ti-nô.

Tin chú bé chết đã truyền đi trong hàng ngũ trước khi quân sĩ rời doanh trại lên đường. Khi các sĩ quan dẫn đầu tiểu đoàn trông thấy thi hài nhỏ bé nằm dưới gốc cây tân bì, quán trong lá cờ ba màu, thì họ tuốt gươm chào, và một người trong bọn họ cúi xuống bờ suối gân đỏ, hái hoa rắc lên mình cậu bé. Thế là tất cả các pháo thủ lần lượt đi qua, đều làm theo cấp chỉ huy của họ, và rắc hoa lên cậu bé. Chỉ trong mấy phút, mình cậu đã đầy hoa.



Sĩ quan và quân lính đi qua đều chào:

*- Anh dũng, cậu bé xứ Lô-m-bac-đi-a!
Vĩnh biệt cậu bé thân yêu!*

- Xin tặng, cậu bé tóc vàng đáng thương!

*- Cậu quả là anh dũng! Vinh quang
thuộc về cậu, em bé ạ! Vĩnh biệt!*

Một sĩ quan rút Huân chương Quân công của mình để tặng cậu, một sĩ quan khác đặt một cái hôn lên trán cậu, và hoa cứ tiếp tục rơi như mưa xuống đôi chân để trần, xuống bộ ngực đầy máu, xuống mái đầu bạch kim của cậu bé đang yên nghỉ, nằm trong lá cờ. Nét mặt của cậu như đang mỉm cười, tưởng như nghe những lời chào vĩnh biệt, cậu bé anh dũng thấy sung sướng và tự hào vì đã hiến đời mình cho xứ Lô-m-bac-đi-a thân yêu của mình”.

Những tấm lòng cao cả

Người Ý sao họ viết chuyện giáo dục trẻ em tình YÊU THƯƠNG TỔ QUỐC rất tuyệt vời, Thầy mong rằng những cây bút của những nhà văn, nhà báo và các cháu sinh viên Việt Nam sẽ có những bài viết giáo dục trẻ em gây xúc động không thua gì người Ý.



Những câu chuyện giáo dục đạo đức lòng yêu thương cho trẻ em của người Ý rất tuyệt vời, nhưng người Trung Quốc họ cũng không kém, họ có những con người đạo đức hiếu hạnh, những đôi vợ chồng chung thủy, tình bằng hữu keo sơn gắn bó v.v... Chúng ta hãy đọc câu chuyện “Bá Nha, Tử Kỳ”, mới thấy rõ LÒNG YÊU THƯƠNG bạn bè của người Trung Quốc khó tìm thấy trong cuộc đời này. Câu chuyện tình bạn giữa Bá Nha và

Tử Kỳ làm xúc động lòng người. Một đôi tri âm tri kỷ mà trên đời khó có đôi bạn nào như vậy:

“Thời Xuân Thu Chiến Quốc, tại kinh đô nước Sở (nay thuộc về phủ Kinh Châu, tỉnh Hồ Quảng), có một người danh sĩ họ Du tên Thụy, hiệu là Bá Nha.

Bá Nha tuy người nước Sở, nhưng lại làm quan nước Tấn đến bậc Thượng Đại Phu. Tấn và Sở thời đó hai nước giao hảo nhau.

Một hôm, Bá Nha phụng mệnh vua Tấn sang nước Sở để gắn liền dây thân hữu giữa hai nước cho bền vững thêm. Bá Nha được vua nước Sở trọng đãi, truyền bày yến tiệc đãi đằng rất hậu.

Tuy nhiên, Bá Nha không lấy thế làm vui, vì đã bao năm xa cách đất tổ quê hương, nay lại được trở về, tấm lòng nhung nhớ những kỷ niệm thân yêu xa xưa lâng lâng vào tâm não. Từ mái gia đình đến những cây tùng, cây bá, mới ngày nào mà nay đã vừa một người ôm, cái định luật biến chuyển không ngừng đã phủ một màu tang trên dòng đời xa cũ. Sau các yến tiệc, Bá Nha đi thăm viếng mộ phần, họ hàng, bè bạn, tấm lòng quyến luyến quê hương càng thấy thiết tha hơn lúc nào hết”.

Đúng vậy, con người dù bất cứ người nào ai cũng có lòng yêu quê hương. Cho nên không có một người nào xa quê hương khi trở về mà lòng không nao nao những kỷ niệm vui buồn. Bá Nha cũng vậy, khi trở về quê hương thì không tránh khỏi lòng quyến luyến.

“Nhưng vì nhiệm vụ chưa thành, Bá Nha không dám vì thế mà lưu lại nơi đất tổ, phải đành vào triều để từ giã quốc vương trở về nước Tấn.

Vua Sở ban khen rất nhiều vàng bạc, lụa là, gấm vóc, và truyền đem ra một chiếc thuyền rất lớn để đưa Bá Nha về nước. Bá Nha là một khách phong lưu, lỗi lạc, trong tâm hồn chứa đựng một nguồn tình cảm thanh cao, coi cảnh vật thiên nhiên như một món ăn tinh thần bất tận.

Một hôm, thuyền đến cửa sông Hán Dương, gặp lúc trăng thu vàng vạc, trời rộng sao thưa, Bá Nha truyền cấm thuyền dưới chân núi để vui với cảnh đẹp hải hồ. Mặt nước sông lúc bấy giờ trong vắt như miếng thủy tinh, gió lộng trăng ngàn bập bênh sóng vỗ. Bá Nha truyền cho đồng tử đốt lư trầm và lấy túi đàn đặt lên trước án.

Bá Nha mở túi gấm, nâng cây Dao cầm đặt ngay ngắn rồi thổi giây.

Hơi trầm quyện gió, réo rắt đưa tiếng đàn vút tận trên không.

Trong lúc đang hứng thú, bỗng tơ đồng đứt mất một dây, Bá Nha thất kinh tự nghĩ: “Dây đàn đứt ắt có người quân tử đang nghe nhạc đâu đây?” Bèn truyền tả hữu lên bờ xem thử kẻ nào đã nghe đàn mà không ra mặt?”

Đứt dây đàn không phải do tâm linh, mà do âm thanh của khúc nhạc quá căng để nói lên nỗi lòng tình cảm của người nhạc sĩ truyền vào âm thanh trở thành ca khúc ai oán. Khi ấy có người nghe lên nhạc, mà người ấy là người am tường âm nhạc nên tâm hồn giao cảm với khúc nhạc. Tâm hồn giao cảm với khúc nhạc tức là giao cảm với người nhạc sĩ. Hai tinh thần cùng giao cảm một khúc nhạc thì dây đàn lúc bấy giờ quá căng thẳng nên phải đứt. Người nhạc sĩ tài ba thì nhận ra liền và biết có người nghe lên.

Bá Nha là một nhạc sĩ tài hoa, nên khi dây đàn đứt thì nhận ra liền có người nghe lên. Đây là một việc xảy ra rất tầm thường, nhưng nếu không hiểu biết thì cho đó là thiêng liêng. Khi đó, Bá Nha đã truyền lệnh gia nhân lên bờ tìm kiếm:

“Tả hữu vâng lệnh vừa toan bước vào bờ, thì từ bên trên có tiếng người nói vọng xuống:

- Xin Đại nhân chớ lấy làm lạ, vì kẻ tiểu dân kiếm củi về muộn, đi ngang qua đây nghe tiếng đàn tuyệt diệu nên chân bước không đành đó thôi.

Bá Nha vừa cười vừa nói:

Người tiểu phu nào mà lại dám nói chuyện nghe đàn trước mặt ta, thật là kẻ cuồng vọng. Nhưng thôi, hãy cho hắn đi!”

Kẻ làm quan nào đời nào cũng vậy, luôn luôn có lối hách dịch “ta đây”, nhất là trong thời đại phong kiến. Bá Nha tuy là người nhạc sĩ tài hoa, nhưng làm quan cũng không tránh khỏi lối “miệt thị” người khác. Nhưng Tử Kỳ không phải là thứ dân quê mùa ngu dốt, nên dạy ngay cho Bá Nha một bài học đạo đức biết tôn trọng mọi người:

“Từ bên trên lại có tiếng vọng xuống đáp:

- Đại nhân nói như thế là sai rồi! Đại nhân nghe câu: “Thập thất chi áp, tất hữu trung tín” đó sao? (Trong cái áp mười nhà ắt có người trung tín). Trong nhà có người quân tử ở thì ngoài cửa có người quân tử đến. Và lại, nếu Đại nhân khinh rằng trong chốn núi

non quê mùa không có người biết nghe nhạc, thì tiếng đàn tuyệt diệu của Đại nhân cũng không nên gảy lên ở đây làm gì?”

Một bài học đạo đức đã làm sáng mắt Bá Nha, đừng khinh chê mọi người là ngu dốt, chỉ có một mình là trí tuệ thông minh, văn hay chữ tốt.

“Nghe câu trả lời ấy, Bá Nha hơi ngượng, biết mình đã lỡ lời, liền vội vã bước ra trước mũi thuyền hỏi:



- Nếu kẻ trên bờ quả thật là một người biết nghe đàn, thì đây ta hỏi thử, vậy chớ ta vừa gảy khúc gì đó?

Giọng nói trên bờ vẫn bình thản vọng xuống:

- Đó là khúc “Không Vọng Vi”, than cái

chết của Nhan Hôi, nhưng vì bị đứt dây nên mất một câu chót. Khúc ấy như sau:

*“Khả tích Nhan Hồi mệnh tảo vương
Giáo nhân tư tưởng, mấn như sương!
Chỉ nhân lậu dạng, đan, biểu lạc,”*

Dịch:

*“Khá tiếc Nhan Hồi sớm mạng vong
Tóc sương rền đúc lầy nhờn tâm!
Đan, biểu ngõ hẹp vui cùng đạo,”*

Còn khúc chót như sau:

“Lưu đặc hiền danh vạn cổ cương”.

Dịch:

“Danh tiếng lưu truyền vạn cổ niên”.

Tử Kỳ là một tiều phu đốn củi, đổi gạo nuôi cha mẹ già yếu trong sơn lâm cùng cốc, nhưng là một học giả nghiên cứu thâm sâu các kinh sách Nhạc, Lễ, Tứ Thư, Ngũ Kinh của Nho giáo đều thông suốt, cho nên khi nghe Bá Nha nói đã chĩnh ngay liền, khiến Bá Nha sượng sùng. Từ lâu trong thâm tâm, Bá Nha tưởng mình là người thông suốt, không ngờ gặp một gã tiều phu còn thông suốt hơn mình. Nhưng Bá Nha là người biết trọng người tài, nên khi nghe Tử Kỳ đối đáp thì không đổ kỵ mà còn mến phục:

“Bá Nha nghe xong lòng phấn chấn vui mừng, vội vã sai kẻ tùy tùng bắc cầu lên bờ

để triệu thỉnh người lạ mặt xuống thuyền tâm sự.

Bọn đây tó tuân lệnh, song bọn này là những đứa phàm tục, những con mắt thịt ấy đâu phân biệt được kẻ quý người hiền, chúng quen thói xua bọ, hễ thấy người sang trọng thì thua bả, thấy kẻ nghèo khó thì khinh bỉ, thấy chủ mình sai đòi một người tiều phu nón lá, áo vải, tay cầm đòn gánh, lưng giắt búa cùn, chân đi giày cỏ, chúng lên mặt hống hách, nạt nộ:

- Hãy đi xuống thuyền ngay, và phải giữ lễ! Hễ thấy lão gia phải sụp lạy, lão gia có hỏi gì thì phải lựa lời mà nói, kẻo mất đầu đó!

Người tiều phu vẫn thản nhiên như không nghe lời nói của chúng, từ từ bước xuống thuyền, bỏ đòn gánh và chiếc búa cùn nơi mũi thuyền, rồi bước vào yết kiến Bá Nha.

Trông thấy Bá Nha, người tiều phu chỉ xá dài mà không lạy.

Bá Nha thấy thế cũng ngạc nhiên, song cũng đưa tay chào đón, nói:

- Thôi, xin hiền hữu miễn lễ cho.

Rồi như muốn thử tài năng người tiều phu xem thực chất đến đâu, Bá Nha sai đồng tử

nhắc ghé mời tiều phu ngồi lại bên mình và hỏi:

- Hiền hữu biết nghe đàn, chắc là biết ai chế ra cây Dao cầm, và biết chơi đàn có những thú gì chớ?

Người tiều phu mỉm cười đáp:

- Đại nhân đã hỏi đến, chẳng lẽ tiểu dân không nói ra những cái mình biết. Xưa kia vua Phục Hy thấy có năm sắc sao rơi xuống cụm ngô đồng, và chim Phượng Hoàng đến đó đậu, nhà vua biết ngô đồng là thứ gỗ quý, hấp thụ tinh hoa của trời đất, có thể dùng nó chế làm nhạc khí được, liền sai người hạ xuống cắt làm ba đoạn. Đoạn ngọn tiếng quá trong và nhẹ, đoạn gốc tiếng đục và nặng, chỉ có đoạn giữa tiếng vừa trong vừa đục, có thể dùng được. Vua bèn đem ngâm nơi giữa dòng nước chảy bảy mươi hai ngày, đoạn đem phơi trong mát chờ cho thật khô, lựa tay thợ khéo là Lưu Tử Kỳ chế thành cây Dao cầm.

Dao cầm dài ba thước, sáu tấc, một phân, án theo ba trăm sáu mươi một độ chu thiên, mặt trước rộng tám tấc án theo tám tiết; mặt sau rộng bốn tấc, án theo bốn mùa; bề dày hai tấc án theo lưỡng nghi.

Đàn ấy gồm mười hai phím, tượng trưng cho mười hai tháng trong một năm, lại có

một phím nữa, tượng trưng cho tháng nhuận, trên mắc năm dây án theo ngũ hành, trong tượng ngũ âm: cung, thương, đốc, vũ, chủy. Trước kia vua Thuấn khải đàn ngũ huyền, thiên hạ nhớ cha, thêm một giây oán gọi là dây văn huyền (dây văn). Lúc Vũ Vương đánh vua Trụ, trước ca, sau múa thêm một dây phản kích để phấn khởi gọi là dây vũ huyền (dây vũ). Như vậy trước kia có năm dây, sau thêm hai dây nữa là thất huyền cầm.

Đàn ấy có sáu “kỵ” và bảy “không”. Sáu “kỵ” là kỵ rét lớn, nắng lớn, gió lớn, tuyết rơi lớn... gặp lúc ấy người ta không dùng; còn bảy “không” là không đàn đám tang, không đàn trong lúc lòng nhiều loạn, không đàn trong lúc bận rộn, không đàn trong lúc thân thể không sạch, không đàn trong lúc y quan không tề chỉnh, không đàn trong lúc không đốt lò hương, không đàn trong lúc không gặp tri âm.

Lại còn có thêm tám “tuyệt” là: thanh, kỳ, u, nhã, li, tráng, lu, trường. Trong tám tuyệt ấy gọi đủ cả các tình cảm, vì vậy tiếng đàn có thể đi đến tuyệt vời vậy”.

Nghe sự trình bày lịch sử cây đàn của Tử Kỳ, thì biết ngay Tử Kỳ là một vị thầy của các nhạc sĩ.

“Bá Nha nghe nói biết người tiêu phu là bậc kỳ tài, đem lòng kính trọng hỏi:

- Hiền hữu quả là một người tinh thông nhạc lý. Trước kia Khổng Tử đang gảy đàn, Nhan Hồi bước vào thoảng nghe có tiếng u trầm, biết lòng Khổng Tử có ý tham sát, nên lấy làm lạ, hỏi ra mới biết Khổng Tử đang đàn thì thấy một con mèo bắt chuột, nên ý niệm ấy xuất lộ ra tiếng tơ đồng. Vậy thì trước kia Nhan Hồi nghe tiếng đàn mà biết lòng người, còn hiền hữu ngày nay nghe ta đàn có biết lòng ta đang tư lự gì chăng?

Người tiêu phu đáp:

- Xin Đại nhân cứ gảy cho tôi nghe một khúc, nếu may ra có cảm thông được thì đó cũng là điều may mắn.

Bá Nha nói dây đàn, gảy khúc “ý tại non cao”.

Tiêu phu mỉm cười nói:

- Tuyệt thay! ý chí cao vút! ý tại non cao...

Bá Nha nghe nói ngưng đàn, lấy lại tâm hồn gảy thêm khúc: “ý tại lưu thủy”.

Tiêu phu cũng cười và nói:

- Bao la trời nước, thật là một khúc: ý tại lưu thủy! Tuyệt hay!”

Nghe tiếng nhạc mà biết lòng người thì đó là bậc thầy của những nhạc sĩ. Tử Kỳ thật xứng đáng là bậc thầy của các nhạc sĩ qua sự đối đáp với Bá Nha, ai mà không nhận ra.

“Thấy tiêu phu biết rõ lòng mình, Bá Nha thất kinh, khâm phục khôn cùng, mời người tiêu phu ngồi lên trên, khiến kẻ tử hữu dâng trà, rồi bày tiệc rượu hai người đối ẩm.

Trong lúc uống rượu, Bá Nha cung kính, chấp tay hỏi:

- Dám hỏi tiên sinh, quý danh và quê quán?

Người tiêu phu cũng đứng lên đáp lễ, rồi nói:”

Chúng ta cũng nên nhớ, lúc trước, khi bước xuống thuyền, Tử Kỳ gặp Bá Nha áo mũ cân đai hấn hoi, chứng tỏ là một vị quan đương triều, nhưng Tử Kỳ chỉ giữ lễ xã giao, xá chào chớ không quỳ lạy như những người khác. Nhưng khi Bá Nha giữ lễ cung kính chấp tay thưa hỏi, thì Tử Kỳ cũng giữ lễ đứng dậy chấp tay cung kính trả lời. Đây là đức lễ chúng ta cần phải học hỏi, nhưng phải phù

hợp với thời đại, đừng quá lỗi thời mà mọi người cho mình là lạc hậu.

“- Tiểu dân họ Chung tên Tử Kỳ, ngụ tại thôn Tập Hiền gần núi Nhã Yên.

Còn Đại nhân chẳng hay cao danh, quý tánh, và hiện trấn nhậm nơi nào?

Bá Nha kính cẩn đáp:

- Tiệp quan họ Du tên Thụy, tự Bá Nha, nhân vì có công vụ nên đến nơi này. Xét mình tài hèn đức thiếu không xứng đáng với lộc nước ơn vua, còn tiên sinh tài năng xuất chúng, học vấn cao siêu, lẽ ra phải xuất thân đoạt lấy công danh, phò vua giúp nước, lưu danh muôn thuở, sao tiên sinh lại cam ẩn dật nơi chốn núi non này mà làm gì?

Tử Kỳ nói:

- Tôi còn cha mẹ già, không có anh em, phận làm con phải lo đến chữ hiếu, dẫu cho Công Hầu Bá Tước cũng không thể đổi lấy một ngày hiếu dưỡng của tôi được.

- À! Ra tiên sinh là người chí hiếu, trong đời khó có ai mà sánh kịp như vậy. Chẳng hay tiên sinh năm nay được bao nhiêu tuổi?

Tử Kỳ đáp:

- Tiểu dân hai mươi bảy tuổi.

Bá Nha vẫn vã nói:

- Tiện quan hơn tiên sinh một tuần (mười tuổi), nếu tiên sinh không chê đức mọn tài hèn thì xin kết làm anh em, để khỏi phụ cái nghĩa tri âm mà đời tôi chưa từng được gặp.

Tử Kỳ khiêm nhượng đáp lại:

- Thưa Đại nhân, Đại nhân là một bậc công khanh thượng quốc, còn tôi là kẻ áo vải quê mùa, năm tháng ra vào nơi sơn lâm cùng cốc, đâu dám cùng với đại quan so vai, kết bạn, xin đại quan miễn cho.

Bá Nha nghe Tử Kỳ nói vậy, lòng bồi hồi, mặt buồn rười rượi năn nỉ:

- Giá trị con người không phải ở chỗ giàu sang phú quý, mà là chỗ đức hạnh tài năng, nay nếu tiên sinh chịu nhận làm anh em với tôi thì thực là vạn hạnh, còn như giàu nghèo, sang hèn, chúng ta không nên nói tới.

Nói xong Bá Nha sai kẻ tả hữu gây lại lò hương, rồi cùng Tử Kỳ lạy tám lạy, nhận nhau làm anh em khác họ.

Bá Nha lớn tuổi hơn, làm anh. Hai người vui vẻ ngồi kề nhau đối ẩm. Nỗi lòng tâm sự của một khách phong trần với một người chung đỉnh được hoàn toàn cởi mở, vượt qua những cái giả dối đê hèn của cuộc sống loài

người, để trở lại với cái thiên chân thuần túy”.

Lời dạy này rất tuyệt vời: **“vượt qua những cái giả dối đê hèn của cuộc sống loài người, để trở lại với cái thiên chân thuần túy”**. Đúng vậy, con người là ở chỗ tình nghĩa chân thật, dùng đạo đức đối xử với nhau. Danh lợi chỉ là sự giả dối đê hèn, làm cho cuộc sống của con người trở nên thù hận, trở nên đau khổ.

“Hai người chuyện trò mãi mà không biết chán, đến khi ánh trăng đã nhạt màu, sao trên trời chỉ còn sót lại một vài đốm trắng, tiếng gà eo óc đầu thôn giục bóng bình minh, hai người vẫn còn như đắm say trong tình giao cảm, quên hẳn cả thời gian.

Khi tên thủy thủ đến gần, xin lệnh cho thuyền lên đường, Tử Kỳ đứng dậy cáo biệt.

Bá Nha giọng run run, nhìn Tử Kỳ nói:

- Lòng tôi quá cảm mộ, chưa nỡ rời hiền đệ, vậy mời hiền đệ cùng đi với tôi qua một đoạn đường, để du sơn du thủy và trò chuyện cùng nhau cho cạn mối tâm tình.

Tử Kỳ bùi ngùi đáp:

- *Lẽ ra tiểu đệ phải đưa tiền hiền huynh vài dặm mới phải, ngặt vì cha mẹ của tiểu đệ ở nhà đang trông, xin hiền huynh thứ lỗi.*

Bá Nha nói:

- *Vậy thì hiền đệ về nhà xin với song thân qua Tấn Dương thăm chơi, chắc Bá phụ và Bá mẫu cũng không nỡ từ chối.*

Tử Kỳ nói với giọng luyến tiếc:

Tiểu đệ không dám phụ lời hiền huynh, song việc này không dám hứa chắc; vì vạn nhất, nếu tiểu đệ không xin phép được chung đường thì thành ra thất hứa với hiền huynh, ấy là tội của tiểu đệ rất lớn!”

Lời hứa là một danh dự giá trị của con người, chúng ta hãy học theo Tử Kỳ không dám hứa một lời nào cả. Sợ khi không thực hiện được lời hứa, vì tất cả các pháp trên thế gian này đều vô thường, hôm nay thì như vậy nhưng ngày mai thì lại thay đổi khác. Cho nên hôm nay hứa lỡ ngày mai chết thì làm sao giữ cho trọn lời hứa. Vì thế Tử Kỳ khéo từ chối, mặc dù tình bạn giữa Tử Kỳ và Bá Nha rất thắm thía, không ai hiểu nhau hơn bằng hai người bạn này.

“Cảm lòng hiếu thảo của Tử Kỳ, Bá Nha nói:

- *Hiền đệ thực là một bậc quân tử, nếu vậy thì thôi, để tôi sẽ tìm cách đến thăm tiểu đệ.*

Tử Kỳ hỏi:

- *Bao giờ hiền huynh sẽ ghé lại thăm tiểu đệ?*

Bá Nha tính đốt tay một lúc rồi nói:

- *Sang năm, cũng đúng vào ngày này.*

Tử Kỳ nói:

- *Nếu vậy thì sang năm, cũng đúng vào ngày này, tiểu đệ xin đợi hiền huynh nơi ghềnh đá.*

Tử Kỳ nói xong, toan cáo biệt, Bá Nha giữ lại, và nói:

- *Hãy khoan, hiền đệ thư thả một chút đã.*

Dứt lời, Bá Nha quay lại sai đồng tử lấy ra hai nén vàng ròng, rồi hai tay nâng cao lên trước mặt, nói:

- *Đây là món lễ mọn của ngu huynh làm quà cho Bá phụ và Bá mẫu, tấm tình cốt nhục, hiền đệ chớ nên chối từ.*

Cảm tình tri ngộ, Tử Kỳ không dám từ chối, nghẹn ngào cầm hai nén vàng, lệ tràn khóe mắt, bùi ngùi ra đi.

Bá Nha tiễn đến đầu thuyền, nắm tay Tử Kỳ không nỡ rời...

Xưa nay có cuộc chia ly nào mà không ngậm ngùi giữa kẻ ở, người đi, hướng chi tình bạn tâm giao, nỗi lòng chưa cạn. Bá Nha cứ nhìn theo, nhìn mãi cho đến lúc Tử Kỳ đi khuất mới cho nhổ neo”.

Cảnh chia tay nào mà không bằng nước mắt. Bá Nha và Tử Kỳ là một câu chuyện, nhưng đọc đến đoạn này không ai mà không rơi nước mắt. Phải không quý vị?

“Dọc đường, Bá Nha láng láng nhớ tiếc, dăm dăm đôi mắt về một phương trời, nên mặc dầu trời trong gió mát, cảnh đẹp muôn vàn mà đối với Bá Nha lúc ấy như thờ ơ lạnh nhạt.

Về đến kinh đô, Bá Nha vào yết kiến vua Tấn để nhận lấy những lời ban khen của cửu trùng.

...Thời gian lặng lẽ trôi như một dòng sông êm ả...

Mới ngày nào, gió thu rào rạt tiếng sáo biệt ly còn văng vẳng bên tai, thế mà thoát đã một năm qua; ngọn gió heo may từ miền bắc cực thổi về, báo hiệu lại một mùa thu nữa đến...

Bá Nha nhớ lại ngày mình ước hẹn, vội vã vào triều xin vua Tấn cho nghỉ phép về Sở thăm nhà.

Vua Tấn nhận lời. Bá Nha sửa soạn cây đàn, đem vài tên đồng tử rồi lạng lẽ xuống thuyền ra đi...

Khi đến Hán Dương, vùng kim ô đã ngả bóng xuống lòng sông, khói sóng dâng lên nghi ngút.

Bọn thủy thủ vào báo cho Bá Nha biết thuyền đã đến núi Mã Yên. Bá Nha lập tức ra đứng nơi mũi thuyền xem cùng bốn phía, nhận ra nơi đây, quả là nơi đã gặp Tử Kỳ năm trước.

Sau khi hạ lệnh cấm thuyền, Bá Nha vẫn đứng trông về phía núi Mã Yên, đỉnh núi cao hun hút, mịt mờ trong màn sương xám của hoàng hôn gợi lên một cái gì xa vắng.

Bá Nha nghĩ bụng:

- Năm ngoái vì tiếng đàn mà gặp được tri âm, năm nay ta đàn một khúc nhạc nữa hẳn Tử Kỳ nghe tiếng phải lẫn đến.

Tối hôm ấy, Bá Nha sai tiểu đồng lấy cây Dao cầm ra, đốt lò hương, vắn phím, đem hết tinh thần nhớ nhung gảy thành một khúc nhạc tâm tư.

Khi đang đàn bổng thấy trong tiếng đàn mình có hơi ai oán nổi lên. Bá Nha thất kinh, dừng tay lại, suy nghĩ: “Cung thương có tiếng ai oán thâm như thế, hẳn Tử Kỳ gặp nạn lớn rồi. Sáng mai ta phải lên bờ dò hỏi mới được””.

Đúng vậy, âm nhạc thật là tuyệt vời, vì âm nhạc dùng TƯỜNG UẨN giao cảm bằng âm thanh thì không có gì giao cảm hơn được. Khi âm thanh thoát ra như tiếng kêu ai oán khóc thương, thì biết ngay phải có người chết. Bá Nha cảm nhận qua khúc nhạc mà biết ngay Tử Kỳ gặp nạn.

“Đêm ấy, Bá Nha nằm thốn thức với ngọn đèn mờ, suốt canh trường không chợp mắt. Nỗi lòng nhớ nhung bồi hồi rào rạt dâng lên, như nhịp sóng trầm bất tận của mặt tròng giang.

Trời chưa sáng, Bá Nha đã truyền cho đồng tử theo mình lên bờ, đem theo cây đàn và mười thẻ vàng, nhắm chân núi Mã Yên thẳng tới.

Ra khỏi triền núi, hai bên cây cối um tùm, và có mấy con đường băng ngang rất lớn. Bá Nha không biết đi con đường nào, bèn ngồi nghỉ chân nơi một tảng đá, đợi có người nào đi ngang qua sẽ hỏi thăm.

Một lúc sau, có một ông lão tay xách giỏ mây, tay cầm gậy trúc xăm xăm đi tới.

Bá Nha cúi mình thi lễ.

Ông già thấy thế hỏi:

- Tiểu sinh có điều gì cần hỏi han chăng?

Bá Nha cung kính đáp:

- Thưa lão trượng, trong mấy con đường này, đường nào về Tập Hiền thôn?

Ông già đáp:

- Cả hai con đường, đường nào cũng về Tập Hiền thôn cả. Con đường tay phải về thôn thượng Tập Hiền, còn con đường bên trái về thôn hạ Tập Hiền. Vậy tiên sinh cần đến thôn nào?

Bá Nha hỏi:

- Thưa lão trượng, Chung Tử Kỳ ở về thôn nào?

Vừa nghe nhắc đến ba tiếng Chung Tử Kỳ, ông già kia bỗng sa sầm nét mặt, đôi mắt sâu ngòm đong đầy cả lệ, thứ lệ đặc và mặn chầm chầm tràn ra trên đôi má nhăn nheo, ông lão sụt sùi kể:

- Chung Tử Kỳ chính là con của lão. Năm ngoái, cũng vào ngày này, tháng này, nó đi

đón củi về muộn, có gặp một người nước Tấn là Bá Nha tiên sinh. Vì chỗ đồng thanh tương ứng hai người kết nghĩa anh em. Lúc ra đi, Bá Nha tiên sinh có tặng cho con tôi hai nén vàng; con tôi về nhà dùng tiền ấy mua sách đọc, bất kể giờ giấc. Vì ban ngày đón củi mệt nhọc, tối đến lại lo học hành, nên chẳng bao lâu bị bệnh lao mà qua đời.

Chưa kịp nói hết câu, đôi dòng nước mắt của Bá Nha đầm đìa trào ra như hai dòng suối. Bá Nha nghẹn ngào không nói được nữa lời”.

Đúng vậy, khi nghe Tử Kỳ chết, một người bạn tri âm mất thì trên đời còn ai hiểu được mình, cho nên Bá Nha nghẹn ngào khóc nức nở.

“Chung lão thấy thế lấy làm lạ hỏi tên tiểu đồng:

- Tiên sinh đây là ai vậy?

Tiểu đồng đáp:

- Thưa lão trượng, đây là quan Thượng Đại Phu nước Tấn, Du Bá Nha đó!

Chung lão nghe nói thốt ra hai tiếng “ối trời!”, rồi cũng nghẹn ngào không nói gì được nữa. Cả hai người chỉ nhìn nhau, và thông

cảm nhau bằng những dòng nước mắt, hai thứ nước mắt khác nhau, nhưng chảy cùng một nhịp chung nhau một mối đau đớn.

Cuối cùng, Chung lão gương gạo thi lễ và nói:

- Mong ơn Đại nhân không chê cảnh bần hàn. Con lão lúc lâm chung có dặn, vì lúc sống không tròn được đạo làm con, lúc chết xin chôn nơi chân núi Mã Yên để trọn nghĩa tâm giao với lời ước hẹn cùng quan Đại phu nước Tấn. Vì thế theo lời trần trời, lão đã đem chôn nó nơi bên ven đường ở chân núi. Con đường tiên sinh đi đến, bên mặt có nắm đất con, đó là ngôi mộ của con tôi đó. Nay mới vừa đúng một trăm ngày, lão mang vàng hương đến thăm mộ, mới gặp tiên sinh ở đây”.

Đúng là Tử Kỳ sống đã hứa năm sau sẽ gặp lại chỗ này, nên đến khi chết cũng giữ gìn lời hứa, cho nên xin cha mình khi chết chôn cất mình nơi hẹn gặp bạn tri âm. Đó là một danh dự mà làm người nên học theo gương hạnh Tử Kỳ.

“Bá Nha lau nước mắt, nói:

- Sự đời biến đổi, may rủi khó lường, nay đã đến nỗi này, tôi xin theo lão trượng đến

trước mộ phần, để lạy vài lạy cho thỏa tình mong nhớ.

Nói xong, Bá Nha sai tiểu đồng xách giỏ cho Chung lão, rồi cùng nhau kẻ trước người sau, trở lại nơi chân núi.

Khi đến nơi, Bá Nha thấy nắm đất bên đường cỏ xanh chưa kín, lòng gợi lên một mối thê lương. Bá Nha vừa khóc vừa lạy, tuy miệng không nói được nửa lời mà trong lòng như đã nói tất cả nỗi buồn biệt ly.

Lạy xong, Bá Nha truyền đem cây đàn đến, rồi ngồi trên một tảng đá, tấu lên một khúc nhạc “thiên thu trường hận”.

Bỗng thấy gió ngàn rít mạnh, ánh sáng u buồn, mấy tiếng chim kêu u uất vọng lên từ xa, như những hồn ma bóng quế dật dờ khi say, khi tỉnh.

Bản nhạc ngưng, gió ngừng thổi, trời lại sáng dần.

Bá Nha nói với Chung lão:

- Có lẽ hồn Tử Kỳ đã hiện về đó! Chẳng hay lão bá có biết cháu đàn khúc gì đó không?

Chung lão đáp:

- Lúc nhỏ lão cũng có biết chút ít về cầm tháo, nhưng nay tuổi đã già, tâm thần hỗn loạn, không có thể phân định được khúc gì.

Bá Nha nói:

- Cháu vừa đàn khúc đoản ca để viếng người tri âm, tài hoa mệnh yếu.

Xin đọc thành lời văn để lão Bá nghe:

“Ức tích khứ niên xuân,
Giang thượng bằng tầng hội quân.
Kim nhật trùng lại phông,
Bất kiến tri âm nhân!
Đản kiến nhứt phần thổ,
An nhiên thương ngã tâm!
Bất giác lệ phân phân...
Lai hoan khứ hà khổ?
Giang bạn, khởi sâu vân.
Tử Kỳ, Tử Kỳ hề...!
Nhĩ, ngã thiên kim nghã,
Lịch tận thiên nhai vô túc ngữ.
Thử khúc chung hệ bất phục đàn.
Tam xích dao cầm vị quân tử”.

Dịch:

“Từ nhớ thừa mùa thu năm ngoái,
Trên tràng giang gặp bạn cố nhân.
Năm nay lại đến Giang Tân
Dòng sông mát lạnh, cố nhân đâu rồi!

*Buồn chỉ thấy nắm mồ bên núi,
Cõi ngàn năm chia cách đau lòng.
Ôi! Thương tâm! Ôi! Thương tâm!
Sụt sùi lai láng bao dòng lệ rơi!
Mây sầu lấp loáng chân trời,
Đêm vui đổi lấy một đời khổ đau.
Tử Kỳ! Tử Kỳ đâu!
Ngàn vàng khôn chuộc được bầu tâm
giao,
Thôi từ đây, với phím đàn.
Ngàn thu thôi hết mơ màng cố nhân”.*

Đọc xong, Bá Nha hai tay cầm cây đàn đưa lên cao đập mạnh xuống tảng đá. Cây đàn vỡ ra từng mảnh, trạc ngọc, phím đồng ròi rã rơi”.

Khi đàn xong, Bá Nha liền đập đàn tan nát, vì trên đời khó tìm người hiểu được lòng mình. Tử Kỳ mất thì Bá Nha không còn ai hiểu được tiếng nhạc của mình, nên Bá Nha đập nát cây đàn là nói lên trong cuộc đời tri âm khó gặp tri kỷ khôn tìm.

“Chung lão hoảng kinh hỏi:

- Sao tiên sinh giận gì mà lại đập cây đàn đi vậy?

Bá nha đọc luôn bốn câu thơ để đáp lời ông lão:

*“Thối đoái Dao cầm phượng vĩ hàn,
Tử Kỳ bất tại hướng thùy đàn?
Xuân phong mãn diện giai bằng hữu,
Dục mịch tri âm, nan thương nan!”*

Dịch:

*“Dao cầm đập nát đau lòng phượng,
Đã vắng Tử Kỳ đàn với ai?
Gió xuân bốn mặt, bao bè bạn.
Muốn tìm tri âm, thật khó thay!”*



Chung lão thở dài, nói:

- Chỉ vì không có người biết nghe mà kẻ đàn hay phải đành thất vọng!

Bá Nha hỏi:

- Lão bá ở thôn Tập Hiền nào?

Chung lão đáp:

- Tệ xá ở nơi thôn Tập Hiền thượng, vậy mời đại nhân, nếu không chê nghèo nàn, xin đến đó nghỉ ngơi.

Bá Nha nói:

- Hạ quan xin cảm ơn Lão bá, nay nếu hạ quan có trở về đó cũng chỉ gọi thêm nhiều mối nhớ nhung mà thôi. Nhân dịp hạ quan có đem theo mười nén vàng, xin dâng cho lão bá dùng một nửa trong việc cung dưỡng tuổi già, còn một nửa mua mấy mẫu ruộng để làm tự cho Tử Kỳ. Mai hạ quan về triều dâng biểu cáo quan trở về quê cũ, chùng ấy hạ quan sẽ rước Bá phụ, Bá mẫu về sống chung để yên hưởng những ngày tàn. Tôi tức là Tử Kỳ và Tử Kỳ cũng tức là tôi vậy.

Nói xong, Bá Nha hai tay dâng mười nén vàng cho Chung lão, sụp xuống đất lạy mấy lạy rồi ra đi. Chung lão đứng nhìn theo, lòng bùi ngùi luyến ái...”

Lòng yêu thương, tình bạn của Bá Nha và Tử Kỳ trên đời khó tìm. Lòng yêu thương ấy đã gây vào lòng người những cảm xúc từ trong trái tim YÊU THƯƠNG, nên mọi người đều rơi nước mắt khi Bá Nha trở lại thăm Tử Kỳ đúng ngày hẹn, nhưng Tử Kỳ vắng bóng, chỉ còn núi non trùng trùng điệp điệp. Khi được biết Tử Kỳ chết thì Bá Nha tan nát cõi lòng, trời đất một màu đen tối.



Thánh Mahatma Gandhi

Khi một bậc kỳ tài từ trần, như Pasteur ở cuối thế kỷ trước và Einstein gần đây, riêng cái giới của bậc kỳ tài đó xót xa, còn những người khác chỉ có cảm tưởng như thấy một vì sao đổi ngôi trên trời. Nếu người có kỳ tài thuộc vào hạng Nã Phá Luân, chỉ hăm hở chinh phục đất đai, thì khi chết đi, nhân loại đã chẳng buồn tiếc mà còn reo hò là khác. Nhưng khi một vị Đại đức vĩnh biệt thì chúng ta sững sờ, điếng lạng như cha, hay thầy của ta mất vậy”.

Muốn ca ngợi đến một bậc kỳ tài, người ta hay so sánh với những người có tài khác để khiến mọi người lưu ý hơn. Đây cũng vậy, tác giả muốn giới thiệu Thánh Gandhi thì nhắc đến Pasteur, Einstein và Nã Phá Luân.

“Tôi chắc bạn đã được nghe ông cha ta kể lại những hành động dã man của tụi “bạch quỷ”, khi chúng xâm chiếm nước ta thế kỷ trước. Rồi lại được tai nghe những lời khinh mạn của D’Argenlieu, mắt thấy những vụ tàn sát của đội viễn chinh Pháp hồi mười năm gần đây mà lòng tôi sùng sục lên, chỉ ân hận không diệt được quân thù, và tự hỏi không hiểu tại sao Gandhi lại gàn đến nỗi chủ trương thuyết bất bạo động đối với một hạng người chỉ biết dùng súng đạn để “nói chuyện”. Vâng, quả thật nhiều lần tôi đã phải bực mình về ông”.

Chính đối với kẻ thù của dân của nước, chúng luôn luôn dùng súng đạn giết hại dân Ấn, thế mà Gandhi lại không thù hận, trả đũa bằng sự chết chóc, mà lại chủ trương thuyết bất bạo động, thà chúng giết mình mà mình không giết chúng. Gandhi có cái nhìn YÊU THƯƠNG đối với kẻ giặc. Nhờ đó sau này người ta hiểu ông mới gọi ông là Thánh Gandhi.

“VẬY mà đầu năm 1948, khi hay tin Gandhi mất tôi cũng bùi ngùi, thần thờ một hồi lâu. Một người đức cao cả như vậy, thương yêu cả đến những kẻ thù thâm độc nhất của mình, mà bị một kẻ đồng chủng và đồng đạo giết, thì còn đâu là đạo Trời nữa?

Chắc bạn còn nhớ trường hợp ra sao chứ? Thánh mới đàm đạo với ông Patel, phó thủ tướng tân Ấn Độ, rồi khoan thai lại nơi cầu nguyện. Một đám đông tín đồ đã đợi sẵn ở đàn tràng. Thấy Thánh bước tới, nhiều người tiến lại để lạy, phủ phục dưới chân Thánh. Thánh chấp tay lên ngực đáp lễ mọi người. Ngay lúc đó, một kẻ tiến ra, khi còn cách Thánh hai bước, rút súng sáu bắn Thánh luôn ba phát. Sau khi tiếng nổ thứ ba, Thánh ngã gục xuống. Người ta khiêng Thánh vào trong tấm thất. Mười phút sau, Thánh tắt thở”.

Tạo sao Thánh Gandhi lại bị ám sát? Người ám sát Thánh Gandhi có phải là kẻ thù của Thánh Gandhi không?

Không, đó không phải kẻ thù của Thánh Gandhi, mà là một nhóm người nông nổi, chưa hiểu thuyết bất bạo động của Gandhi. Thuyết bất bạo động của Gandhi không phải là sợ giặc, không phải là đầu hàng giặc,

không phải đương đầu chống giặc bằng súng đạn, gươm đao, hay bằng cách biểu tình đòi yêu sách này, yêu sách khác. Thuyết bất bạo động của Thánh Gandhi là mang LÒNG YÊU THƯƠNG đến với mọi người, trong đó có quân thù đang xâm chiếm đất nước ông.

Do hiểu lầm thuyết bất bạo động của Thánh Gandhi, nên họ cho ông đầu hàng giặc, mà nhóm người này căm thù tức giận kẻ thù xâm chiếm đất nước và tàn sát nhân dân Ấn một cách dã man nên mới ám sát ông.

“Tin đồn nam nữ khóc vang lên. Thủ tướng Nehru lại gục đầu vào thầy Thánh mà khóc. Dân chúng tụ họp lại đòi được chiêm ngưỡng dung nhan Thánh lần chót. Ba triệu rưỡi người dự đám thiêu hóa của Thánh. Khi ngọn lửa đầu tiên bốc lên ở hỏa đàn, cả một biển người rung động, ủ rũ như chịu một sức đè nặng nề. Có nhiều tiếng nức nở trong đám đông.

Hay tin Thánh mất, cả thế giới thương tiếc.

Chính khách Pháp, Léon Blum viết: “Tôi chưa bao giờ được gặp Gandhi. Tôi không biết ngôn ngữ của Người. Tôi chưa bao giờ đặt chân lên xứ sở Người, vậy mà tôi thấy buồn thảm như mất một người thân vậy.

Khấp thế giới đau khổ vì cái chết của bậc kỳ nhân đó”.

Stafford Cripps, một chính khách Anh, tuyên bố: *“Cổ kim tôi chưa thấy người nào đã chứng thực được một cách mạnh mẽ, minh xác như vậy, rằng tinh thần thắng vật chất”.*

Nhà bác học Albert Einstein cũng nói: *“Thánh Gandhi chứng tỏ rằng người ta có thể chế ngự được trăm triệu sinh linh không phải bằng những lời hứa hão huyền, những mách khoé xảo quyệt, mà chỉ bằng tấm gương sáng của một đời thanh cao, trong sạch”.*

Và đại tướng George C.Marshall bảo Thánh là *“phát ngôn viên cho lương tâm nhân loại”.*

Trên ba ngàn điện tín của các tổng thống, các vua chúa, các giáo chủ, các đoàn thể, các hội viên khắp thế giới gửi tới Ấn Độ để điếu: *“Người bạn của những kẻ nghèo nhất”.* Liên hiệp quốc rủ cờ tang.

Lòng yêu thương của Thánh Gandhi đã mang đến cho mọi người, nên khi hay tin ông mất, cả thế giới đều buồn thương để tang cho ông.

“Mạnh Tử có lần bảo rằng ai cũng thành Nghiêu, Thuấn được. Đọc tiểu sử Gandhi tôi mới thấy lời đó không phải là hoàn toàn vô lý”.

Một con người biết yêu thương, lấy lòng yêu thương xóa nhòa hận thù, cho nên được tin Ngài mất cả thế giới buồn thương tang tóc là phải. Cuộc đời của Thánh Gandhi đấu tranh cho sự tự do bình đẳng bằng LÒNG YÊU THƯƠNG, đem lòng yêu thương đến với mọi người, không phân biệt người thân hay kẻ thù, vì thế mọi người kính trọng Gandhi như là một bậc Thánh.

“Hồi nhỏ, Gandhi là một thanh niên rất tâm thường, tâm thường quá nữa, không ai ngờ rằng sau lại thành một vĩ nhân.”

Ông sinh ngày 02 tháng 10 năm 1869, tại Porbandar, một tiểu bang ở bờ biển phía Tây Ấn độ. Giữa khoảng từ Bombay tới Karachi, tổ phụ ông thuộc giai cấp thương nhân, được tiểu vương xứ Porbandar mời làm thủ tướng. Thân phụ ông được thừa hưởng chức đó, tuy giàu sang nhưng phóng túng, khi chết gia sản gần hết sạch. Lúc nhỏ tính tình ông nhút nhát, có hồi ham hút thuốc lá, ăn cắp tiền nhà để mua thuốc lá; có hồi bạn rủ rê, đi tìm thú vui nhục dục. Mười bốn tuổi cưới

một cô mới mười ba, tính hay ghen, cấm đoán vợ, vợ không phục nên hai vợ chồng gây lộn nhau rất thường.

Năm 1888, ông qua Anh học về luật, ba năm sau thi đậu về nước. Trong thời kỳ du học, chẳng giao thiệp với ai, mà hình như ngoài môn luật ra, chẳng thấu hái được chút gì của văn minh Âu Tây.

Ở Anh về, ông làm Thầy kiện, nhưng áp úng nói không ra lời, nên mỗi lần ra tòa chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Mà cái tánh hay ghen vợ vẫn không bỏ, có lần đuổi vợ về nhà bố mẹ đẻ. Suốt ngày chẳng biết làm gì, chỉ nô đùa với con nít. Con người như vậy thì ai chẳng bảo rằng sẽ kéo dài một cuộc đời vô vị và vô ích cho tới khi chết?”

Thánh Gandhi cũng là những con người tầm thường như bao nhiêu người khác, ông không làm việc gì gọi là xuất sắc hơn người. Nhưng thời thế tạo anh hùng, một khúc quanh của cuộc đời đã biến ông trở thành một bậc Thánh:

“Vậy mà chỉ nhờ hai việc xảy ra trong hai năm, tâm hồn ông thay đổi hẳn.

Việc thứ nhất: “Một hôm, một người anh ruột ông tên là Laxmidas biết ông quen một viên quan cai trị Anh từ khi ông còn học ở

Luân Đôn, nhờ ông lại đút lót với viên đó để được đề cử làm bộ trưởng ở Porbandar. Ông uất ức, căm gan, từ đó ghê tởm những kẻ luôn cúi người Anh”.

Việc thứ hai: “Sau chuyện đó, ông qua Nam Phi biện hộ một vụ kiện. Tới Nam Phi, ông đi xe lửa đến Perétoria xứ Transvaal để tới toà. Ông có vé xe lửa hạng nhất. Tới nửa đường ở Maritzbourg, nhân viên xe lửa đuổi ông xuống hạng ba để nhường chỗ cho một người da trắng. Ông phản kháng thì một viên cảnh sát tống ông xuống sân ga. Đêm đó, ông ngồi trong ga, rét run cầm cập mà suy nghĩ về sự dã man của người Anh và quyết chí tranh đấu”.

Từ một người Ấn bình thường như bao nhiêu người Ấn khác, nhưng có hai sự việc bất bình đã biến ông trở thành một vị Thánh sau này:

- Một là thấy người Ấn luôn cúi xin xỏ người Anh để làm tay sai cho giặc.

- Hai là thấy người dân Ấn bị người Anh hiếp đáp tàn nhẫn, bóc lột, coi rẻ dân Ấn toàn là “cu li”.

“Hồi đó, ở Nam Phi có hàng vạn người Ấn qua làm ăn. Họ giỏi giang, cần kiệm, nhưng bị người da trắng hiếp đáp tàn nhẫn. Bất kỳ

người Ấn nào cũng bị người Anh gọi là “cu li”, giáo sư, y sĩ, luật sư Ấn đều là cu li hết ráo. Có nơi người Ấn không được đi trên vỉa hè, phải đi ở giữa đường, xe cán chết cũng mặc. Chính Gandhi có lần đi trên hè bị đá dít, tống xuống đường. Người Ấn nào cũng uất ức, nhưng chưa có ai cầm đầu. Sau vụ Maritzbourg, Gandhi diễn thuyết ở Prétoria hô hào đồng bào sát cánh nhau để tranh đấu. Năm đó ông hai lăm tuổi. Cuộc đời ông đã chuyển hướng. Ông hoạt động ráo riết để phản kháng sự phân biệt màu da: viết báo, diễn thuyết (lúc này ông đã là nhà hùng biện rồi, chứ không áp úng như trước), phát sách. Danh ông bắt đầu nổi lên và người Anh bắt đầu ghét ông”.

Thấy những điều nhục nhã của dân tộc Ấn, ông viết sách nói rõ hành vi hành hạ của người Anh đối với người Ấn, khiến cho người Ấn căm thù người Anh, và ông còn đứng lên lãnh đạo hô hào kêu gọi toàn dân Ấn đoàn kết chống sự hiếp đáp của người Anh. Bấy giờ ông trở thành một vị lãnh tụ của nhân dân Ấn:

“Năm 1896, ông về Ấn nghỉ 6 tháng, soạn một cuốn sách tả những người Anh hành hạ người Ấn ở Nam Phi, xuất bản một vạn bản, làm cho dư luận sôi nổi. Rồi ông tổ chức cuộc

mít tinh ở Bombay để ủng hộ phong trào tranh đấu của người Ấn ở Nam Phi.

Vì những hành động đó, khi ông trở qua Nam Phi, người da trắng đón đánh ông, đòi giết ông. Nếu sở cảnh sát không can thiệp thì chắc ông bị chúng treo cổ lên cây rồi.

Lần này, ông đem cả vợ con qua Nam Phi ở, định chiến đấu cho tới khi thành công mới về xứ. Và ông ở luôn đó cho tới đầu đại chiến thứ nhất, chỉ lâu lâu về thăm quê ít tháng.



Văn phòng luật sư của ông rất phát đạt, nhưng kiếm được bao nhiêu tiền ông đem giúp phong trào hết cả. Ông hai lần qua Anh vận

động với các chính khách Luân Đôn, rồi lập một khung trại rộng một ngàn mẫu ở Lawley cho đồng bào cày cấy, trồng trọt và sống tập thể; mọi người làm lấy bánh để ăn, đan lấy dép để đi, đóng lấy đồ đạc để dùng, may lấy quần áo để mặc”.

Cách thức tổ chức của ông giúp nhân dân Ấn tự túc làm lấy tất cả vật dụng, mà không cần dùng vật dụng của người Anh. Mục đích đấu tranh bất bạo động của ông là bài hàng ngoại, xử dụng hàng nội, toàn dân Ấn không mua hàng hóa của người Anh.

“Ông lại tổ chức những cuộc phản kháng, đình công lớn lao để chống những đạo luật dã man của người Anh, bắt các kiều dân Ấn ở Transvaal bất kỳ trai, gái, cứ 8 tuổi trở lên phải có một tấm giấy căn cước, phải để cho cảnh sát khám xét nhà cửa, cả đàn bà và con gái; bắt người Ấn phải cử hành đám cưới theo lễ giáo Âu. Chính phủ bắt giam ông. Dư luận sôi nổi hơn, phong trào càng lan rộng; năm vạn thợ đình công, khám đường không đủ chỗ để giam. Luân Đôn xôn xao, rốt cuộc nhà cầm quyền Nam Phi phải thả ông và thiết lập một ủy ban điều tra.

Ở khám ra, ông phản kháng ủy ban điều tra do các trưởng Botha và Smuts chỉ định, vì hai người này không có cảm tình với người Ấn. Ông lại tổ chức một cuộc mít tinh ở Durban, hô hào đồng chí tiếp tục tranh đấu, tự nguyện vào tù”.

Cuộc đấu tranh bất bạo động của ông kêu gọi toàn dân Ấn tự nguyện vào tù để đấu tranh chống sự áp bức của người Anh.

“Lúc đó, nhân viên Hỏa xa cũng lại đình công. Nhà cầm quyền Nam Phi bối rối. Ông đã không thêm lợi dụng tình thế đó để yêu sách thêm, mà còn có một hành động rất cao thượng, là hạ lệnh bãi bỏ cuộc “tự động vào tù” đã định trước, để cho nhà cầm quyền dễ xử”.

Cuộc đấu tranh “tự nguyện vào tù” của ông được mọi người ủng hộ, ông đã giành thắng lợi thì ông lại hạ lệnh bãi bỏ, khiến cho người Anh không khó xử, nên ông được thế giới khâm phục:

“Thái độ đó làm dư luận thế giới rất khâm phục. Tướng Smuts thấy vậy cảm mến ông, và giữa năm 1914 ông và hai bên thoả thuận với nhau được. Chính phủ Nam Phi phải chấp nhận:

Một là bãi bỏ đạo luật về hôn nhân, và nhận rằng hôn nhân theo lễ Ấn, Hồi đều hợp pháp.

Hai là bãi bỏ số thuế thường niên đánh vào những người Ấn mãn hạn giao kèo mà muốn ở lại Nam Phi làm ăn.

Ba là nhận cho người Ấn ở Nam phi được tự do vào xứ Le Cap.

Cuộc tranh đấu thành công, Gandhi qua Anh rồi về Ấn. Trước khi đi, ông tặng kẻ địch của ông là tướng Smuts một đôi dép chính tay ông bện khi ngồi khám, Smuts trân trọng giữ kỷ niệm đó, sau này viết:

“Tôi mang đôi dép ấy đã mấy chục năm mà vẫn băn khoăn không biết mình có xứng đáng được xỏ chân vào dép của bậc vĩ nhân hiền triết đó không (...) những người như Thánh Gandhi đã chuộc những lỗi lầm ti tiện của chúng ta, và luôn luôn nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên làm điều thiện”. Nhân loại được bao nhiêu người làm cho kẻ địch được khâm phục tới như vậy?”

Vừa đấu tranh vừa nhân nhượng, lúc nào ông cũng lấy LÒNG YÊU THƯƠNG đối với kẻ thù, vì thế kẻ thù lúc nào cũng xem ông là một người bạn tốt.

“Ông đặt chân lên đất Anh thì đại chiến thứ nhất bùng nổ được hai ngày. Đầu năm 1915, ông về Ấn, xuất bản cuốn Hind Swarai, trong đó có đoạn ông nói rằng, người Ấn bị người Anh cai trị là tại người Ấn ham những tiện lợi và nền văn minh máy móc mà người Anh đem lại, ham lợi mà buôn bán với

họ, rồi tranh dành cãi cọ nhau để họ lợi dụng sự chia rẽ đó”.

Ông Gandhi nói rất đúng, khi một nước khác đến cai trị nước mình, chính những người dân trong nước mình ham mê danh làm ông này, bà kia và những vật chất của nước ngoài như máy móc, xe cộ nên mới bị người nước ngoài cai trị.

Trong thời Pháp cai trị đất nước chúng ta cũng vậy, người nào được học trường Tây, vào dân Tây là hãnh diện nhất. Đó là những người bán nước cho giặc, làm tay sai cho giặc mà không biết, còn lấy làm hãnh diện, thật là nhục nhã!

“Ông lựa một khu đất trên bờ sông Sabarmeti, một nơi ẩm thấp, bùn lầy của đám dân nghèo khổ ngoại ô thành phố Ahmédabad, cất một căn nhà nhỏ làm nơi luyện tinh thần và truyền giáo. Ông sống một đời khổ hạnh như một nhà tu hành: Phòng chật hẹp như một buồng giam; ngày nắng như thiêu thì ông khiêng bàn ra giữa trời làm việc; đêm lạnh như cắt, ông cũng ngủ ở giữa trời. Ông đã bỏ nghề luật sư và sống xa bà vợ, ngoài những giờ đọc kinh Ghita, ông diễn thuyết hô hào đồng bào giải phóng tổ quốc. Ông chỉ ăn trái cây và uống

sữa dê. Chỉ bận một chiếc phá bằng vải trắng, mình để trần”.

Dù ông là một nhà đại cách mạng, đấu tranh đem lại quyền lợi cho dân tộc Ấn, nhưng ông không quên mình là một nhà tu hành theo Ấn Giáo, nên lối sống của ông rất đơn giản, xa lìa những cám dỗ của cuộc đời.

“Ông chủ trương rằng phong trào giải phóng phải phát khởi từ nơi thôn dã, nghĩa là phải đào luyện tri thức và tinh thần của dân quê trước hết, và phải dạy cho họ đoàn kết với nhau.

Đoàn kết dân tộc Ấn độ, việc đó mới khó khăn làm sao! Về chính trị, xứ đó chia thành hàng trăm tiểu bang, tuy cũng thuộc quyền cai trị của người Anh, mà mỗi tiểu bang có một chế độ khác nhau.

Về tôn giáo thì cũng có cả chục tôn giáo, mà hai tôn giáo lớn là đạo Bà La Môn và đạo Hồi thì chống nhau kịch liệt.

Về xã hội cũng chia làm nhiều giai cấp: bọn quý phái sống trụy lạc trong cung điện, hết đi săn bắn thì thưởng thanh sắc; bọn tu hành Bà La Môn tuy không có quyền hành nhưng uy thế rất mạnh; dưới nữa là hạng thương nhân, công nhân và nông dân; sau cùng là hạng tiện dân.

Khắp thế giới, từ cổ đến kim, không có hạng dân nào lại bị khinh bỏ như hạng tiện dân đó. Họ đông tới sáu chục triệu người, và người Âu gọi họ là hạng “không ai dám chạm tới” (intouchable). Bạn thử tưởng tượng bạn sinh ở Ấn Độ. Và hai ngàn năm trước tổ tiên bạn ở giai cấp tiện dân, thì ngày nay bạn cũng phải là một tiện dân, bị coi là dơ dáy từ tâm hồn đến thể xác. Bạn không có quyền được múc nước giếng trong làng; có khát thì ra ngoài rãnh, ngoài ruộng, vốc nước lên mà uống. Bạn không có quyền được vô một tiệm nào; muốn mua gì thì đứng ở ngoài đường rồi chủ tiệm liệng đồ ra cho. Bạn không được vô chùa cửa các giai cấp khác, không được vô trường học, mà cũng không được vô tòa án nữa. Trong làng, bạn phải ở tại một khu riêng biệt, tất nhiên là bẩn thỉu nhất. Trong châu thành, khu tiện dân của bạn phải có tường cao bao kín bốn bề để khỏi lây qua những khu khác. Một người Ấn nào lỡ chạm phải bạn thì họ khạc, nhổ, về nhà tắm rửa ngay, chay tịnh và làm lễ tẩy uế. Chỉ chạm vào cái bóng của bạn họ cũng thấy như nhóp nữa, cho nên có những con đường bạn không có quyền được đi. Và nếu bóng của bạn in lên một chén cơm của họ thì họ đổ chén cơm đó đi liền.

Đó tình cảnh chia rẽ của Ấn Độ về chính trị, tôn giáo, xã hội như vậy. Lại thêm người Anh dùng chính sách hiểm độc “chia để trị”, luôn luôn tìm cách tưới dầu thêm vào lửa, cho sự phân chia bùng lên nữa. Hiểu như vậy rồi. Bạn mới thấy công việc của Gandhi khó khăn làm sao.

Tháng 5 năm 1918, ông bắt đầu dả đảo tinh thần phân chia giai cấp và bênh vực hạng tiện dân. Nhà ông là nơi diễn thuyết, nơi tụ họp của hạng trí thức, quyền thế. Vậy mà ông cho một gia đình tiện dân đến trú ngụ. Người ta nhao nhao lên phản đối. Nhiều phú thương Ấn trợ cấp cho ông, họ không gửi tiền nữa. Khi hết tiền, đồ đệ ông hỏi ông phải làm sao? Ông đáp:

- Thì Thầy trò mình vào sống chung với những người tiện dân, chứ sao?

Chính bà vợ cũng phản đối ông, nhưng ông thuyết phục được.

Ít lâu sau, ông nhận con một người tiện dân làm con nuôi, gọi những người tiện dân là “những con cưng của Thượng Đế”. Ông thường cầu trời kiếp sau được tái sinh làm tiện dân để chia sẻ nỗi buồn tủi của hạng người chịu sự bất công do thành kiến xã hội đó. Có lần, nghe những lời chỉ trích của bọn

thiếu cận, ông bực mình thốt: “Nếu quả thực tôn giáo chúng ta bắt chúng phải coi hạ tiện dân, đồng bào của chúng ta, như súc vật, thì tôi xin ruồng bỏ đạo tôi”. Nhưng đại đa số quần chúng đều cảm phục tâm hồn cao thượng của ông. Ông đi tới đâu người ta cũng bu lại, xin ông ban phước, xin được hôn chân ông. Có kẻ nằm rạp xuống đất, hôn vết chân trên cát. Và danh từ MaHa mà thi hào Rabindranath Tagore, người được giải thưởng Nobel về văn thơ năm 1913, đã tặng ông đầu tiên, nay được toàn thể dân Ấn dùng, rồi sau này được khắp thế giới dùng. Thế là từ hồi Đức Thích Ca đắc đạo đến nay, nhân loại được thêm một vị thánh sống nữa, và cả hai đều sinh ở xứ Ấn Độ huyền bí!”

Chính Gandhi đã hiểu sự phân chia nhiều giai cấp ở nước ông như vậy, nên muốn phá tan những giai cấp trong nước thì ông chọn một giai cấp mà số người nhiều nhất, đó là giai cấp hạ tiện cùng đinh. Ông thực hiện lòng yêu thương đến giai cấp này bằng cách ông sống với họ, chia sẻ với họ. Nhờ đó, ông kêu gọi họ đoàn kết và không sợ một giai cấp nào trong xã hội. Chính vì LÒNG YÊU THƯƠNG chân thật của ông, mà họ sẵn sàng sát cánh bên ông và có thể chết vì ông. Sống giữa giai cấp này, ông còn cầu cho kiếp sau

mình sẽ sinh vào những nhà người dân hạ tiện, để chia xẻ với họ những điều bất công của xã hội.

“Đầu năm 1917, ông thành công trong một vụ chiến đấu nữa. Những chủ điền Anh ở Champaran, một miền nằm dưới chân núi Himalaya, ức hiếp tá điền, bắt họ trồng chậm, rồi tới khi chậm mất giá, bảo họ thôi đừng trồng nữa, lại bắt họ bồi thường để bù vào số chậm thôi không trồng. Họ nhờ luật sư bênh vực họ, nhưng vô hiệu. Ông tiếp xúc với các luật sư này và bảo: “Toà không phân xử được việc này đâu. Dân quê bị ức hiếp đe dọa đến nỗi sợ người Anh như vậy, thì toà án làm sao bênh vực họ trước cường quyền được? Phải làm cho họ hết sợ hãi đã”. Và ông vào hàng xóm điều tra. Xin yết kiến ủy viên Anh. Viên này chửi rủa ông, hạ lệnh đuổi ông ra khỏi miền, ông không tuân lệnh, tiếp tục thăm dò dư luận, quan sát tình hình. Người Anh bỏ tù ông. Tức thì dân quê mọi nơi hẻo lánh kéo nhau tới Motihara, chặt cả châu thành; lòng công phẫn sôi nổi, người nào cũng nghiêng răng, võ ngực, đòi thả ông, người mà họ chưa biết mặt, mới chỉ nghe tên là một vị Thánh nhân, lặn lội từ xa lại để bênh vực họ. Họ hết sợ người Anh, đã trở thành con người hiên ngang. Và đúng như

Gandhi đã nói, một khi họ đã cương cường không chịu khuất phục, thì vấn đề đã giải quyết xong. Đồng thời, ông hô hào các luật sư theo một chương trình hoạt động, mục đích để làm cho nhà cầm quyền tống mình vào khám. Nhà cầm quyền thấy vậy phải lùi bước, bắt tá điền Anh hoàn lại số tiền họ đã thu một cách bất công của bọn tá điền Ấn”.

Ông đem lòng yêu thương đến với dân chúng ở miền Champaran để đấu tranh đòi quyền công bằng, khi ông bị bắt ở tù thì những người dân ở đây nổi dậy chống lại chính quyền, đòi thả ông ra và phải thực hiện bồi hoàn số tiền cho tá điền. Nhờ lòng yêu thương của nhân dân ở đây đối với ông nên họ không còn sợ hãi tù tội của người anh, mạnh dạn xuống đường biểu tình chống đối chính quyền thuộc địa anh.

Bởi vậy, LÒNG YÊU THƯƠNG là một sức mạnh phi thường, xem pháp luật cai trị của người Anh như tấm giấy lộn, không còn giá trị gì cả. Từ khi có Gandhi về đây, kêu gọi họ đoàn kết, biết thương yêu nhau thì tù tội và sự đàn áp của người Anh không còn có nghĩa gì cả.

“Sau vụ đó, ông tuyên bố: “Người Anh không thể nào hạ lệnh mà bắt được người Ấn

phải tuân theo. Cá nhân được giải phóng thì quốc gia sẽ được giải phóng. Nếu cả trăm triệu người không sợ, không tham gia thì những đạo luật của người Anh có long trọng ban hành ra, cũng chỉ là một mớ giấy lộn”.

Đúng vậy, cá nhân được giải phóng thì quốc gia sẽ được giải phóng. Một cá nhân không sợ tù tội của giặc thì pháp luật có đặt ra cũng không còn có nghĩa lý gì, và như vậy giặc không còn cai trị được ai. Cho nên, pháp luật đặt ra là để cho toàn dân phải thông suốt, toàn dân có sự thông suốt là phải lấy ý kiến của toàn dân đóng góp, chớ không phải quý vị ngồi bên trên rồi vẽ pháp luật mà bắt dân phải tuân theo.

Pháp luật được đặt ra là vì bảo vệ quyền sống của nhân dân, bảo vệ nền độc lập, tự do, dân chủ chung cho cả nước. Vì thế dân phải hiểu, phải bàn, phải kiểm tra. Cho nên, thấy được dân Ấn không sợ tù tội của thực dân Anh, nên Gandhi bảo: *“Cá nhân được giải phóng thì quốc gia sẽ được giải phóng. Nếu cả trăm triệu người không sợ...”*

“Lời tuyên bố đó cho ta thấy ông là nhà cách mạng ôn hoà. Sau vụ ông xuýt bị người Anh ở Nam Phi giết (vụ Durban), mà ông

cũng không oán họ. Chính giáo sư Thompson ở đại học đường Oxford cũng phải nhận:

“Lẽ ra Gandhi thì phải thù oán người da trắng đến muôn đời. Nhưng ông đã tha thứ cho những kẻ một mực đòi treo cổ ông lên cây”.

Chẳng những ông tha thứ, mà khi đại chiến thứ nhất bùng nổ, ông còn buồn cho người Anh nữa, vì ông hô hào người Ấn giúp tiền cho người Ấn đi lính cho Anh. Tôi đã đọc một truyện kể một vị Phật nào đó ở Ấn Độ, thấy một con cọp cái đói, không có sữa nuôi đàn con, mà nhủ lòng thương hại, từ trên cao gieo mình xuống trước hang cọp, để làm mồi cho cọp. Lòng nhân từ của Gandhi có thể ví với lòng nhân của vị Phật đó được”.

Giúp cho kẻ thù mà kẻ thù không biết ơn, ông chẳng trách, mà còn tha thứ cho thực dân Anh. Thật là LÒNG YÊU THƯƠNG của ông rộng lớn vô cùng.

“Mà chính phủ Anh y như loài cọp, không hiểu được lòng hy sinh đó. Cũng như thực dân Pháp, thực dân Anh trong cơn nguy, hứa chiến tranh dứt thì cho người Ấn dự vào mọi ngành cai trị, và hưởng những thực hiện dân chủ để lần lần đi tới sự tự trị. Tiếng súng mới im, họ nuốt ngay lời hứa, đã chẳng nói

rộng cho dân Ấn mà còn thắt chặt hơn, thẳng tay đàn áp một cách vô cùng dã man”.

Đối với người Anh xem uy tín như đất cát, đã nuốt lời, nên giá trị lời hứa của thực dân Anh lúc bấy giờ không còn ai tin tưởng, nhưng không vì thế mà Gandhi ghét giận họ, mà chính Gandhi lại tha thứ cho họ. Bởi Gandhi đem LÒNG YÊU THƯƠNG đến với kẻ thù, nên lúc nào cũng tha thứ, vì thế ông mới được người đời gọi là THÁNH.

Con người ta dễ quên ân nghĩa, khi lâm nguy, người ta giúp mình thoát nguy khốn thì hứa đủ điều, nhưng khi thoát khỏi nguy khốn thì đối xử không ra gì. Người Ấn đi lính đánh giặc giúp cho người Anh, khi hòa bình trở lại thì người Anh đối xử người Ấn rất tồi tệ.

“Họ bắt giam các nhà ái quốc Ấn, xử kín các chính trị phạm, đóng cửa báo chí, thiết lập chế độ kiểm duyệt, hạn chế các quyền tự do căn bản. Người Ấn phản uất, hướng cả về Gandhi chờ một mệnh lệnh. Tức thì ông ra lệnh tổng bãi thị, tổng bãi công trong toàn cõi.

Bản ý ông là phản kháng quyết liệt trong vòng trật tự. Nhưng vì ông không dự bị, huấn luyện quần chúng trước, nên ở nhiều

nơi xảy ra những cuộc đổ máu. Ông rất đau xót, biết như vậy tất thất bại và loạn sẽ nổi.

Tháng 4 năm 1919, ở Pundjab, nhiều người Anh bị dân chúng đánh giết. Chính phủ Pundjab hạ lệnh cho thiếu tướng Edwrad Harry Dyer đàn áp. Hay tin dân chúng làm mít tinh ở công trường Yallianoualla Bag, trên một bãi đất bỏ hoang, bốn bên là tường cao, chỉ thông ra ngoài do một vài ngõ hẻm, y đem lính và xe thiết giáp tới chặn hết các lối ra, rồi chẳng hạ lệnh giải tán gì cả, xua hết dân chúng vào chỗ đất trũng, cho xả súng bắn vào. Kết quả là trên một ngàn rưỡi người Ấn vừa chết vừa bị thương.

Chưa hết. Mấy hôm sau, muốn báo thù một người Anh bị giết, y cho vây hết các đường chung quanh, bắt mọi người Ấn, hễ đi qua đường đó phải bò như chó, sau cùng bắt người Ấn nào hễ gặp một viên võ quan Anh ở đâu mà không xuống xe, hạ mũ chụp dù lại thì sẽ bị trói vào cột, quất bằng roi da trước công chúng. Tôi đã ví thực dân Anh với cọp. Không, Cọp không đê tiện như vậy. Mà chó thì không tàn nhẫn như vậy”.

Một nước nào đi xâm chiếm và cai trị một đất nước khác là họ xem dân nước đó hơn

loài súc vật. Họ muốn đánh, muốn giết người dân bản xứ lúc nào cũng được. Thật là tàn nhẫn, họ là những người mất nhân tính, chỉ là một ác thú.

“Trước thái độ bỉ ổi đó của người Anh, Gandhi tìm một phương pháp tranh đấu mà không làm cho người Anh vin vào có gì để giết dân vô tội được. Ông nghĩ ra phương pháp bất hợp tác.

Thực ra phương pháp đó ông đã nghĩ tới mười hai năm trước, năm 1907, hồi ông còn ở Nam Phi. Hồi đó có lần nằm trong khám, ông được đọc cuốn bất tuân chính quyền (Civil Disobedience) của Henry David Thoreau. Thoreau là một người Huê Kỳ, sanh năm 1817, bất mãn chính phủ vì chiến tranh với Mễ Tây Cơ, nhất là vì chế độ nô lệ, cất một cái chòi ở Walden Pond, trồng lúa, rau, khoai, đậu lầy mà ăn, và không chịu đóng thuế cho chính phủ, nên bị nhốt khám.

Trong cuốn “Bất tuân chính quyền”, ông chủ trương rằng quốc gia tồn tại vì cá nhân chứ không phải cá nhân vì quốc gia. Thiếu số phải chống lại với đa số nếu đa số không hành động theo những quy tắc luân lý. Quốc dân có thể chống lại chính phủ bằng cách

bất tuân lệnh chính phủ, không đóng thuế, không đi lính.

Cuốn đó đã để lại một ấn tượng sâu xa trong tâm hồn Gandhi, và ông dịch ra nhiều đoạn đăng trong báo Ngôn luận Ấn Độ. Bây giờ, ông đem áp dụng nó vào công việc tranh đấu của ông”.

“Quốc gia tồn tại vì cá nhân chứ không phải cá nhân vì quốc gia”, lời dạy này rất tuyệt vời. Một quốc gia có tồn tại là vì mỗi công dân có am tường pháp luật của quốc gia, mà pháp luật của quốc gia là do dân hiểu, dân bàn, dân kiểm tra, nên pháp luật quốc gia luôn luôn bảo vệ quyền sống của nhân dân, do đó quốc gia có tồn tại là vì nhân dân.

“Năm 1920, ông được bầu làm chủ tịch phong trào vận động tự trị, rồi trở thành người cầm đầu Đảng Quốc Đại.

Người Anh không ngờ rằng vụ tàn sát ở Yallianoulla càng làm cho dân Ấn xô đẩy nhau theo ông, người tượng trưng cho tinh thần Ấn.

Ông hô hào đồng bào bất hợp tác với người Anh mọi phương diện: tẩy chay hàng hóa của Anh, tẩy chay học đường của Anh,

không làm công chức cho Anh, không buôn bán cho Anh, không đóng thuế cho Anh. Ông nghĩ rằng phong trào đó không có tính cách tranh đấu tích cực thì không gây sự đổ nát được. Cùng lắm là người Anh bắt bỏ khám, mà khi người ta đã coi thường danh lợi thì người ta cũng coi thường sự ngời khám.

Ông phát động phong trào, tự nêu gương trước, trả Phó Vương Ấn Độ những huy chương mà chính phủ đã tặng ông, bỏ đồ ngoại hóa, chỉ quán một chiếc phá bằng vải thô do ông dệt lấy. Vai vác bị, không nón, không dù, không dép, ông lang thang mọi nơi hang cùng ngõ hẻm, truyền nhiệt huyết và tin tưởng vào lòng mọi người. Tới đâu ông xin ăn ở đó, và có khi ngồi dưới bóng cây, mở bị ra, lấy bút giấy viết bài cho tờ India và tờ Navayivan, những cơ quan truyền bá tư tưởng của ông”.

Vì thương dân, yêu nước, ông phát động phong trào bất hợp tác với người Anh, bỏ hết tất cả những đồ xa xỉ của ngoại quốc, ông chỉ còn ăn mặc như một người Ấn nghèo nàn, đi khắp cùng đất nước để tuyên truyền đường lối bất hợp tác với ngoại quốc. Ông đến đâu đều được nhân dân hưởng ứng đến đó:

“Quốc dân hăng hái hưởng ứng, nhiều người Ấn trả văn bằng, chức sắc lại cho chính phủ Anh, nhiều luật sư đóng cửa văn phòng, không chịu biện hộ trong tòa án Anh nữa, nhiều giáo sư bỏ trường học Anh, về thôn quê mở lớp dạy tiếng Ấn, học sinh cũng hy sinh tương lai đã bỏ học, về làm cán bộ tuyên truyền.

Không quản nắng mưa, ông cứ làm lui tiến. Đàng đẵng bảy tháng trời để dạy đồng bào cách giải thoát thân trâu ngựa của họ. Chốc chốc, chuyến xe của ông phải dừng lại để cho hàng đám người leo lên mui, chui qua cửa, nhìn mặt ông, hôn chân ông cho kỳ được. Có nơi người ta nằm ngang đường ray, bắt xe lửa ngừng để người ta được chiêm ngưỡng dung nhan ông. Có hôm giữa nửa đêm, tiếng bánh xe rầm rầm trên đường sắt nghe rộn người, ông tỉnh dậy thì nghe hàng vạn tiếng hoan hô ông. Ông ló đầu ra cửa tìm hiểu việc gì xảy ra, thì cả đám đông đang ồn ào bỗng im lặng, cùng quỳ xuống trước mặt ông. Đó đây có vài tiếng nức nở”.

Hành động LÒNG YÊU THƯƠNG vì dân, vì nước đã khiến tất cả dân Ấn đều mến phục, họ muốn thấy mặt ông, ôm chân và hôn để tỏ lòng ngưỡng mộ kính yêu.

“Có lần, trước một đám đông, ông yêu cầu mọi người cởi bỏ âu phục để ông thiêu hủy. Chỉ trong nháy mắt, áo quần giày vớ cà vạt chất thành đống. Ông châm vào đó một ngọn lửa. Ít lâu sau, không ai dám bận Âu phục mà tới trước mặt ông nữa”.



LÒNG YÊU THƯƠNG của dân Ấn đối với ông thật là sâu đậm, vì thế khi ông bảo sao họ đều vâng theo làm đúng lời dạy như vậy.

“Thấy phong trào lan rộng, Chính phủ Anh tống giam ba vạn người Ấn vì tội bất hợp tác. Ông định ra lệnh bất hợp tác toàn thể ở từng vùng một, thì bị nhốt khám. Ông dặn dò đồng bào cứ bình tĩnh, rồi vui vẻ vào

khám. Ông nói: “Chúng ta nên yêu cầu mở rộng khám đường để chúng ta bước vào, hân hoan như một chú rể vén rèm bước vào buồng cưới. Khám đường chính là nơi chúng ta rèn luyện ý chí đấu tranh”.

Đúng, khám đường là nơi rèn luyện ý chí đấu tranh của người làm cách mạng. Đã là người làm cách mạng là vì thương dân, yêu nước, nên họ không bao giờ sợ vào tù ra khám. Mặc cho chính phủ Anh tống giam ba vạn người Ấn vì tội bất hợp tác, thì Gandhi kêu gọi toàn dân chấp nhận vào tù, đó là một cuộc đấu tranh bất bạo động với tay không đương đầu với súng đạn. Những hành động chấp nhận vào tù do Gandhi lãnh đạo, ấy là LÒNG YÊU THƯƠNG tổ quốc và dân tộc.

“Năm khám được ít lâu, ông bị chứng ruột dư, phải mổ. Sức khoẻ ông suy giảm. Chính phủ Anh buộc lòng phải thả ông. Ta nên nhớ, lúc đó cả thế giới đã phục ông là Thánh sống. Và mấy năm sau, Romain Rolland, một văn hào pháp so sánh ông với Tolstoi viết: “Ở Gandhi, cái gì cũng là tự nhiên, khiêm tốn, giản dị, trong sạch, tất cả những chiến đấu của ông đều toả hào quang êm đềm của tôn giáo; còn ở Tolstoi, cái gì cũng là sự ngạo mạn, phản động của sự kiêu căng, sự thù oán, chống với sự thù oán, sự phẫn nộ, chống

với phần nô. Cái gì ở Tolstoi cũng là bạo động cả, cái thuyết không bạo động của ông cũng vậy”. Chính phủ Anh sợ mang tiếng làm một người được thế giới ngưỡng mộ như vậy chết trong khám, nên buộc lòng phải thả ông.

Ở khám ra, Gandhi lưu một nơi ở bờ biển gần Bombay để dưỡng sức.

Lúc đó, sự tranh chấp cổ truyền giữa hai dân tộc Ấn - Hồi lại xuất hiện, mà phong trào bất hợp tác cũng xuống nhiều. Một số luật sư đã mở lại văn phòng, học sinh xin vô đại học. Một nhóm cách mạng Ấn thấy vậy, chuyển hướng tranh đấu, từ tiêu cực qua tích cực, đòi Anh phải ban hành chế độ tự trị. Muốn khỏi có sự chia rẽ, ông phải thỏa thuận với nhóm đó, nhưng sau thấy khó hợp tác với họ được, ông quyết lánh khỏi trường chính trị trong một thời gian, trở về hô hào sự đoàn kết giữa Ấn - Hồi và sự bất hợp tác với Anh.

Muốn cảm hoá các đồng bào Ấn và Hồi, ông tuyên bố nhịn đói hai mốt hôm. Lần nhịn đói đó là lần thứ nhì. Lần trước xảy ra vào hồi đại chiến thứ nhất. Ông lãnh đạo một cuộc bãi công trong các xưởng dệt ở thành Ahméda Bad để đòi tăng lương cho thợ. Sau một thời gian thợ nản chí. Nhiều kẻ

đã lên lút phá rào, trở lại việc làm, ông ngại phong trào sẽ thất bại, quyết tuyệt thực để thợ giữ lời hứa, kiên nhẫn tranh đấu tới khi thắng lợi. Lần đó ông chỉ nhịn ăn ba ngày, và sự xích mích giữa chủ và thợ được giải quyết xong.

Lần này, sức ông đã suy, ông 55 tuổi mà lại quyết nhịn ăn luôn 21 hôm. Tôi không hiểu làm sao một người gầy ốm như ông, bao nhiêu năm vất vả như vậy mà có sự chịu đựng bền bỉ đến mức đó! Trong 21 ngày, ông chỉ uống nước lạnh hoặc nước muối, mà vẫn tiếp khách, vẫn viết báo! Ngày thứ 20, ông cầu nguyện thượng đế: “Hỡi đấng cao cả, xin Ngài làm cho tôi trở nên một vật hữu dụng của Ngài, cho tôi linh cảm được ý của Ngài để tìm phương châm hành động”.

Đối với giặc như thực dân Anh thì Gandhi thành công không mấy khó khăn, nhưng điều khó khăn nhất là nhân dân Ấn chia rẽ thì rất khó hàn gắn và hòa hợp vô cùng.

Thực dân Anh rất khôn ngoan, lợi dụng Ấn - Hồi chia rẽ thì chúng tìm mọi cách chia rẽ thêm, làm cho sự chia rẽ càng thêm trầm trọng.

Ba lần tuyệt thực để kêu gọi Ấn - Hồi đoàn kết, nhưng ông đều thất bại. Do sự chia

rẽ này mà ông bị nhóm quá khích hạ sát ông. Tuy ông mất, nhưng lòng yêu thương dân tộc không bao giờ mất.

Ông mất đi nhưng lòng yêu thương dân tộc ông, tổ quốc ông và những người cai trị làm hại ông và đồng bào dân tộc ông không mất. LÒNG YÊU THƯƠNG ấy vẫn mãi mãi đi vào lòng người.

“Ngày thứ 21, đúng 12 giờ trưa, ông gọi bạn hữu, đồ đệ lại bên giường, yêu cầu đọc cho nghe một đoạn kinh Coran, một bản thánh ca và vài bài kinh khác. Nghe xong, ông cất giọng khuyên nhủ mọi người, rồi nhấp một chén cam tươi. Ai nấy đều vui vẻ, thấy ông đã qua được lần tuyệt thực đó.

Cuộc tuyệt thực đó không có kết quả khả quan. Năm 1924, kinh tế sau chiến tranh đã phục hưng lên, người ta ham vật chất mà tinh thần quần chúng càng xuống. Ông phải đi cổ động để củng cố tinh thần đó.

Suốt năm 1925, ông đi lại khắp nơi tiếp xúc với dân chúng. Từ những miền hẻo lánh, hàng vạn hàng ức người nghe ông sắp đến là bỏ cả công ăn việc làm, ùn ùn kéo nhau tới để chiêm ngưỡng ông. Tới đâu ông cũng cổ động sự dệt lấy vải mà bán. Ông biết rằng phong trào đó không có kết quả lớn về kinh

tế, nhưng ông cũng phát động để dân chúng nhận thấy giá trị những vật chính tay họ tạo nên, mà phần uất trước sự xa hoa của những kẻ bám vào người Anh mà bóc lột đồng bào, sống trên xương máu đồng bào.

Năm 1929, Chính Phủ Anh gửi phái đoàn Jonh Simon qua Ấn để nghiên cứu vài điều cải cách. Phái đoàn không cho người Ấn dự trong việc tìm một giải pháp về chính thể tương lai, nên bị toàn quốc tẩy chay. Người Anh đàn áp các nhà ái quốc. Gandhi cùng các đảng viên Đảng Quốc Đại như Chandra Bose, Nehru tuyên bố rằng, nếu cuối năm 1929 Ấn không được tự trị thì sẽ phát động phong trào độc lập.

Tới tháng hai năm sau, vẫn chưa có gì thay đổi, Gandhi bèn hô hào dân chúng bất hợp tác, không đóng thuế, trước hết là không nộp thuế muối.

Ngày 12 tháng 3, ông dắt 70 người đồ đệ đi từ Saharmati đến bờ biển phía nam. Đoàn người đi 24 ngày, được 200 dặm, tới đâu dân chúng cũng xin gia nhập đoàn, và khi đến biển thì đã thành một đạo quân không bạo động, đông tới hàng trăm ngàn người. Trong 24 ngày đó, khắp Ấn Độ, khắp thế giới đều

hướng cả về cuộc lữ hành của ông, tự hỏi ông sẽ làm gì đây.

Sáng ngày mùng 6 tháng 4, sau khi cầu nguyện, ông ra hiệu lệnh rồi ra bờ biển vớt muối. Cử chỉ đó có ý nghĩa tượng trưng rằng người Ấn có toàn quyền thổ sản thiên nhiên Trời phú cho, và luật pháp Anh không thể ngăn cấm nổi.

Dân chúng mọi miền duyên hải đều theo ông, múc nước biển, nấu lấy muối mà dùng. Hàng ngàn người bị bắt giam, hoặc bị đánh nát tay mà vẫn không bỏ dùm muối mới vớt được. Chính Đảng Quốc Đại nấu muối rồi không nộp thuế đem bán cho dân. Tại Karachi, 60.000 người ra biển làm muối. Lính thấy họ đông quá, không dám bắt. Phó vương Anh uất hận, bắt giam Gandhi, khi ông có dự định tới xưởng làm muối ở Dharasana. Ông bị giam, nhưng các đồng chí cứ tiếp tục cuộc hành trình. Một nhà nữ cách mạng cầm đầu 2.500 người ra lệnh khởi hành. Bà dặn dò cả bọn là sẽ bị đánh đập tàn nhẫn, nhưng đừng kháng cự. Mọi người tuân lệnh bà. Cả đoàn làm lui tiến tới những nơi nấu muối của chính phủ có 4000 lính cảnh sát bảo vệ. Lính giương tay thước và báng súng lên đầu, lên lưng họ. Họ không kêu, không đỡ, cứ im lặng cho đánh, hết tốp

này tới tấp khác, tiến lên cho mà đánh, sau lính sợ, không dám đánh nữa, rốt cuộc có hai người chết và 320 người bị thương.

Từ lúc đó, Ấn Độ đã dành được tự do rồi. Người Ấn đã tỏ cho thế giới thấy sự dã man của phương Tây, thấy tinh thần bất khuất của phương Đông và sùng ống của Anh vô hiệu lực trước tinh thần hy sinh đó.

Sau vụ đó, chính phủ Anh phải thả ông ra, công nhận nguyên tắc độc lập của Ấn, bãi bỏ thuế muối và tổ chức hội nghị bàn tròn thứ nhì ở Luân Đôn, cho các đại biểu quốc hội được tham gia.

Hội nghị lần này đã thất bại, cũng vì lẽ người Anh chưa chịu, bày mưu mô chia rẽ Ấn - Hồi, làm cho hai bên khó thoả thuận với nhau được.

Nhưng nhờ lần ông qua Anh đó mà dân chúng Anh hiểu ông thêm, trọng ông thêm và có thêm cảm tình với dân tộc Ấn. Khi hay tin ông được vua và hoàng hậu Anh mời tới hoàng cung dùng trà. Cả nước Anh xôn xao chờ đợi xem ông ăn mặc ra sao. Thì cũng vẫn là chiếc pháy, một chiếc khăn choàng, một đôi dép, với một cái đồng hồ lưng lẳng ở đầu một sợi dây cột vô thắt lưng. Có người hỏi: “Ông ăn mặc như vậy không thấy lạnh sao?”

Ông cười đáp: “Nhà vua mặc nhiều áo như vậy, đủ ấm lây sang tôi rồi”.

Ông vui vẻ niềm nở với mọi người, đùa giỡn với con nít Anh, xin phép công an cho hai viên thám tử hộ vệ ông qua Ý chơi với ông trước khi về Ấn, giám đốc công an hỏi ông vì lẽ gì, ông đáp: “Vì tôi coi họ như người trong gia đình tôi”.

Hết thấy các danh nhân đều ngưỡng mộ ông. Báo chí đua nhau kể những chuyện kỳ thú về ông. Duy có mỗi một người Anh ghét ông, là Winston Churchill. Churchill có óc quá bảo thủ, suốt đời chỉ ôm ấp cái mộng bảo toàn đế quốc Anh, nên dùng ông, có phần như sợ ông nữa, mà không làm gì nổi ông.

Hội nghị bàn tròn thất bại. Người Anh một mặt đàn áp các nhà cách mạng. Một mặt đặt ra chế độ bầu cử riêng biệt, để xúi người Hồi chống người Ấn. Ông tuyệt thực. Người Hồi vì trọng ông, tự ý xin rút bỏ chế độ bầu riêng. Thế là hành động của Anh thất bại.

Khi đại chiến thứ nhì nổ, ông tự nghĩ không nên thừa cơ Anh lâm nguy mà trả thù, nên long trọng hứa với phó vương Anh là sẽ không gây rối cho Anh ở Ấn, nhưng không cam đoan rằng sẽ xông vào vòng chiến đấu

nếu lãnh thổ Ấn bị đe dọa. Đảng quốc hội Ấn cũng đợi cho Anh, Mỹ, Pháp bỏ chính sách để quốc đi đã rồi mới chịu cho Ấn đứng vào hàng ngũ đồng minh.

Nhưng lúc đó, Churchill đương làm thủ tướng Anh, chống lại nguyện vọng đó, bảo không khi nào chịu chính tay mình làm tan rã đế quốc Anh.

Pháp bị chiếm ở Âu, rồi tới Anh, Mỹ đại bại ở Thái Bình Dương. Tướng quốc xã Rommel vào tới cửa ngõ Ai Cập. Nhiều quan sát viên quân sự lo ngại quân đội Đức sẽ gặp nhau trên đất Ấn. Một phái quá khích do Chandra Bose làm thủ lĩnh, đã hợp tác với Nhật.

Mỹ và Trung Hoa thấy tình hình nguy ngập, khuyên Churchill nhượng bộ ít nhiều để dân tộc Ấn đứng vào phe tự do. Churchill bất đắc dĩ phải nghe, phái Stafford Cripps qua Ấn thăm dò ý kiến. Gandhi coi xong chương trình của Cripps, bảo:

“Nếu chỉ có vậy thôi thì ông nên đáp máy bay về Anh ngay tối nay đi, ở lại cũng vô ích”.

Nhận làm sao được một chương trình chia nước Ấn làm nhiều nước nhỏ: một nước của Ấn, một nước của Hồi, một nước của người

Sikh, một nước của tiểu vương do Anh giết đây...

Năm 1942, quân đội Nhật đã tiến đến sát biên thuỳ Ấn, mà thái độ chính phủ Anh vẫn chưa có gì thay đổi, Đảng Quốc Đại bất đắc dĩ phải phát động một phong trào bất hợp tác, và tuyên bố sẽ dùng đến vũ khí, nếu cần. Tức thì Gandhi và Nerhu bị bắt giam. Dân chúng nổi loạn lên, đốt phá công sở, đường dây thép, đường xe lửa, hành hung người Anh. Các đảng cách mạng ngấm ngấm tổ chức cuộc kháng chiến.

Ở trong khám, Gandhi tuyệt thực 21 ngày để phản kháng sự độc tài của Anh. Anh vẫn không thay đổi thái độ, nhưng ít lâu sau, thấy ông yếu quá, trả tự do cho ông. Lần đó là lần chót ông bị nhốt trong ngục của người Anh. Tính ra ông đã sống 2.089 ngày trong các nhà khám ở Ấn và 249 ngày trong các nhà khám ở Nam Phi.

Đại chiến thứ nhì kết thúc. Dân chúng Anh mời Churchill rút lui. Để Attlee, một nhân vật đảng Lao động lên thay, hầu thoát được nạn độc tài cần thiết trong chiến tranh mà tai hại thời bình. Do đó, chính sách Anh đối với Ấn cũng thay đổi.

Một phái đoàn được gửi qua Ấn. Phái đoàn có thiện chí trả lại tự do cho Ấn. Nhưng bị chia rẽ trong mấy thế kỷ vì chính sách hiểm độc của Anh, dân tộc Ấn khó thống nhất được. Liên đoàn Hồi giáo nhất định đòi chia Ấn ra làm hai, một của Ấn và một của Hồi. Yinnah, người cầm đầu liên đoàn Hồi giáo và Nerhu chống nhau. Ấn và Hồi giết nhau trên khắp cõi. Gandhi thân hành tới từng nơi để giàn xếp. Lúc đó ông đã 77 tuổi, mà vẫn phải đi lang thang trong những làng xóm bỏ hoang và cháy dở, để đau lòng mục kích những cảnh tượng tàn của đồng bào, cảnh đổ nát của xứ sở. Người ra hô hào nhau đem máu để rửa máu, thì ông kêu lên: “tôi sẽ ở đây một năm và nếu cần, đến khi tôi chết để dập tắt nỗi oán thù này”. Ông làm việc hai mươi giờ một ngày, không tiếc gì tấm thân tàn nữa. Ông một mình tiến vào những chỗ nguy hiểm, thì trong số hàng vạn hàng ức người cuồng tín, đương căm thù, thiếu gì kẻ ức ông đã ngăn cấm sự trả thù mà muốn hại ông.

Rốt cuộc ông cũng vẫn thất bại: năm 1947, Ấn độ bị chia đôi thành Ấn và Hồi (tức Pakistan), mà Hồi có hai khu vực. Một ở đông, một ở tây, giữa là Ấn. Ông đau xót vô cùng. Ngày lễ độc lập, Nerhu mời ông tới

Delhi dự lễ. Ông không tới, ở Calcutta tụng kinh và tuyệt thực. Ông tuyên bố: “Thế là ba mươi hai năm tranh đấu để đi tới một kết quả không vẻ vang chút nào cả”. Bạn có thấy đức độ cao cả, can đảm vô biên của ông không? Suốt đời tận tụy. Bảy mươi tám tuổi thất bại mà vẫn cứ hy sinh.

Hồi xưa, thánh Francois d’Assise đương cuộc vườn thì có kẻ hỏi: “Nếu có người cho ông hay rằng ông sẽ chết hôm nay, trước khi mặt trời lặn, thì ông làm gì?” Thánh đáp: “Tôi sẽ cuộc cho xong khu vườn của tôi”. Gandhi cũng tiếp tục khu vườn của ông, mặc dầu biết rằng sẽ không sống được bao lâu nữa.

Nehru khi chịu cho Ấn chia hai là có ý muốn tránh nội chiến. Chính phủ Anh biết không thể giữ Ấn Độ được nữa cho nên có thái độ sống chết mặc bay. Gandhi phản đối, muốn để giải quyết lần lần các nỗi khó khăn, hầu thực hiện sự thống nhất. Nhưng không ai nghe ông, và đúng như lời ông tiên đoán, sự chia rẽ làm cho Ấn Độ điêu linh.

Sau khi chia rẽ, những người Ấn ở trong khu vực Hồi và những người Hồi ở trong khu vực Ấn phải bỏ hết gia tài sản nghiệp, bồng bế nhau di cư về khu vực của mình. Ở lại thì

sẽ bị tàn sát vì lòng oán thù của kẻ khác tôn giáo. Bạn đã được mục kích phần nào cảnh đau khổ của đồng bào di cư mấy năm trước. Ấy là mới có khoảng 800.000 người. Mà sự di cư đã được sắp đặt trước rồi. Bây giờ bạn hãy tưởng tượng cuộc di cư của Ấn và Hồi năm 1947. Từng đoàn xe và người, có đoàn dài cả trăm cây số, đi hàng ngàn cây số trong nắng bụi, mưa và bùn, Trước sau có 15 triệu người bỏ nhà cửa để đi tìm bệnh tật, cảnh đói và cảnh chết, trên mặt người nào cũng có những nét đau thương và căm hờn. Họ chết như rạ ở giữa đường vì dịch tả, vì lên đậu, vì đói khát. Có khi hai đoàn Ấn và Hồi gặp nhau và cuộc hỗn chiến nổi lên dữ dội ghê gớm. Tiếng người khóc như di. Quạ, kên kên bay lượn từng đàn ở trên không, sà xuống mổ, rĩa những thân thể để lại trên đồng. Đâu đâu cũng là cảnh nhà cháy, đồng hoang. Trong lịch sử nhân loại, có lẽ chưa có cuộc di cư nào thảm thương như vậy. Nhà cầm quyền Delhi cho lính ra ngoài châu thành Delhi cản đoàn di cư không được vô thành, sợ mất trật tự vệ sinh, nhưng họ cứ ủa vào, chiếm cứ các vườn hoa, đình chùa, cướp phá các cửa tiệm. Lúc đó con người trở về đời dã man, thời ăn lông ở lỗ.

Trước cảnh ấy, Gandhi càng đau xót vì thấy mình bất lực. Ngày mùng 2 tháng 10 năm 1947, khắp thế giới gửi lời mừng lễ thọ 78 tuổi của ông. Ông chỉ thờ dài:

“Các ngài gửi những lời phân ưu cho tôi thì phải hơn. Tôi đau khổ quá... tôi không thể nào sống để nhìn cảnh chết chóc, sát hại nhau như thế này”.

Nhưng ông vẫn hoạt động. Suốt ngày ông chạy khắp châu thành Calcutta an ủi các người di cư, quỳn tiền mua mền, vải, gạo cho họ. Hễ nghe ở đâu có sự gây lộn giữa Ấn và Hồi là ông tới hoà giải. Người ta kể cho ông nghe những hành động dã man đến đứt ruột. Có kẻ nắm cằm một đứa bé quay máy vòng rồi quật đầu nó vào tường. Có kẻ lại cầm hai chân một đứa trẻ mà xé đôi ra. Một lần, một làng Ấn bị người Hồi tấn công. Đàn bà con gái sợ quá, đứng nép vào nhau trên bờ một cái giếng sâu, một người nhảy xuống, người khác nhảy theo. Trong bốn phút, 73 người đàn bà chôn thây trong giếng. Nghe những chuyện đó, ông thờ dài: “Cứ lấy oán trả oán thì Ấn độ sẽ tới cảnh diệt vong thôi”.

Nhiều người Ấn cuồng nhiệt, thấy ông hoà giải thì giận dữ, cho là ông bênh vực người Hồi, muốn hại ông, ném gạch đá vào ông.

Chính phủ sợ nguy đến tính mạng ông, cho lính hộ vệ, ông từ chối, cứ một mình xông pha vào những đám đông phần uất, để làm dịu lòng căm hờn của họ xuống.

Ý ông muốn dẹp nổi oán ở Calcutta rồi sẽ đi Pakistan an ủi người Hồi, nhưng tới đầu năm 1948, mà tình hình ở Calcutta vẫn chưa yên. Ông quyết định tuyệt thực để kêu gọi lương tâm của tất cả mọi người.

Lần này sức ông suy, mới ngày thứ ba mà ông đã sút đi mỗi ngày nửa kilô, rồi ông tiểu tiện không được. Ông nằm co quắp như một bào thai, mắt nhắm, nét mặt đau đớn, mình trùn một cái mền trắng. Quần chúng xúm đông trước nhà ông cầu nguyện cho ông. Các đoàn thể, các giáo phái gửi đại diện đến thăm ông. Họ họp nhau luôn năm ngày tìm một giải pháp nào có thể làm thỏa lòng ông được.

Ngày 17 tháng giêng, ông nôn khan, tình cảnh rất nguy ngập. Nehru thấy vậy, bưng mặt khóc. Hôm sau, các nhà cầm quyền Ấn và các đại biểu mọi giới, mọi giáo phái ký giấy cam kết bồi thường cho những người Hồi bị tàn phá ở Calcutta một số tiền là 550.000.000 Ấn kim; cam kết bảo vệ tính mạng, tài sản của người Hồi, bảo đảm cho

đền thờ của người Hồi khỏi bị tàn phá, cho người Hồi có thể làm ăn yên ổn.

Họ ký xong rồi đọc cho Gandhi nghe. Ông lộ vẻ vui mừng, bỏ tuyệt thực và cầu trời được sống thêm nhiều năm nữa để thực hiện sứ mạng hoà giải Hồi, Ấn trong khắp xứ, chứ không chỉ riêng trong khu vực Delhi, Calcutta.

Không ngờ, chính vì tờ cam kết đó mà Gandhi gặp họa. Tổ chức R.S.S (Rashtriya Sevak Sangha), gồm những thanh niên bạo động cuồng nhiệt, bài trừ Hồi giáo, chỉ muốn diệt Hồi giáo để thống nhất quốc gia, bắt mẫn về khoản 550 triệu bồi thường cho người Hồi.

Hai ngày sau vụ tuyệt thực kể trên, Gandhi lại đàn đờ cầu nguyện. Đang lúc thuyết pháp thì có một tiếng nổ. Ông hỏi: “Cái gì thế?”, đáp: “Chúng tôi cũng không rõ”. Quần chúng xôn xao. Ông bảo: “Thôi, đừng bận tâm vào cái đó. Nghe tôi đây!”

Tiếng nổ đó là một tiếng lựu đạn của một đảng viên RSS. Ném vào ông mà không trúng, tên y là Madan Lai, ở Punjab di cư lại Delhi. Bị bắt, y nói: “Tôi đã thấy tận mắt tôi những người Ấn bị bắn ở Punjab...”

Gandhi không trách y, bảo: “Đừng ai khinh thanh niên lầm đường lạc lối ấy, chắc anh ta cho tôi là kẻ thù của Ấn Độ, của Ấn giáo. Các đồng chí của anh ta nên khuyên anh ta đi. bạo động không phải là phương sách để cứu vớt với Ấn Độ”. Rồi ông yêu cầu sở cảnh sát và môn đệ của ông đối đãi tử tế với Mandan lại.

Vụ ám sát đó hụt. Hôm sau lại xảy ra một vụ nữa. Lần này thì Naltrouram Vinayak Godse bắn trúng ông. Godse rất trọng ông, không oán gì ông hết, trước khi bắn, còn kính cẩn vái ông. Y cũng là một đảng viên R.S.S, không muốn cho ông bênh vực người Hồi, nên phải đau lòng mà hạ sát ông. Có lẽ Gandhi muốn bênh vực người Hồi thật, mà như vậy là phải, vì trên xứ Ấn, người Hồi là thiểu số.

Như bạn đã biết, tôi phát súng thứ ba, Gandhi lảo bầm khẽ: “Trời ơi”, rồi ngã gục xuống.

Hồi ông còn ở Nam phi, có lần hay tin một người Ấn dọa giết ông, ông nói: “Ai mà không chết? Chết do tại một người bạn, đối với tôi, còn hơn là chết vì bệnh hay một cái gì khác”. Ngờ đâu ông đã linh cảm được cái chết của ông từ hồi đó.

Mà lời phê bình dưới đây của Tagore cũng đúng nữa: “Có lẽ thánh Gandhi không thành công. Có lẽ Thánh sẽ thất bại như Thích Ca đã thất bại, như Giêsu đã thất bại, không diệt được lòng ác độc của loài người, nhưng loài người luôn luôn nhớ tới Thánh, vì Thánh đã đem đời mình ra làm một bài học cho muôn thế hệ về sau”.

Gandhi là một vị Thánh thật sự, suốt cuộc đời của ông đấu tranh cho LÒNG YÊU THƯƠNG, ông luôn luôn mang lòng yêu thương đến mọi người, dù người đó là kẻ thù của quê hương ông, đã man giết dân tộc ông, bỏ tù và treo cổ ông, nhưng ông tha thứ và yêu thương cho đến khi bị bắn chết. Ông bị bắn chết là do mọi người chưa có LÒNG YÊU THƯƠNG, nếu mọi người có lòng yêu thương như ông thì làm sao ông bị giết. Cho nên, ông Tagore nói rất đúng: ***“Có lẽ thánh Gandhi không thành công. Có lẽ Thánh sẽ thất bại như Thích Ca đã thất bại, như Giesu đã thất bại, không diệt được lòng ác độc của loài người, nhưng loài người luôn luôn nhớ tới Thánh, vì Thánh đã đem đời mình ra làm một bài học cho muôn thế hệ về sau”.***

Tất cả những bậc Thánh luôn luôn muốn cho đời thương yêu nhau, nhưng không ai diệt được lòng ác độc, nên các vị Thánh đành thất bại, nhưng trong sự thất bại của các Ngài, lúc nào các Ngài cũng muốn dâng tặng LÒNG YÊU THƯƠNG cho tất cả.

HẾT

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Nơi trở về	8
Lòng yêu thương của Carolyn	15
Lòng yêu thương loài sâu bọ của cháu Brian	30
Lòng yêu thương của Rôbetti	40
Lòng yêu thương của Mario	45
Lòng yêu thương Tổ quốc	59
Tôn trọng sự sống của mình và mọi người là yêu thương Tổ quốc	67
Lòng yêu thương bè bạn giữa Bá Nha và Tử Kỳ	84
Lòng yêu thương của Thánh Mahatma Gandhi	112

GIỚI THIỆU SÁCH

*Sách của Trưởng lão Thích Thông Lạc
chỉ tặng, không bán. Xin các bạn tìm đọc:*

- 1- Đạo Đức Làm Người (tập I, II - 2011)
- 2- Sống Mười Điều Lành (2011 - Quý IV)
- 3- Những Lời Gốc Phật Dạy (4 tập - 2011)
- 4- Đường Về Xứ Phật (10 tập - 2011)
- 5- Văn Hóa Phật Giáo Truyền Thống
(2 tập - 2011)
- 6- Lòng Yêu Thương - tập II (2011)
- 7- Lòng Yêu Thương (2009, 2011, 2012)
- 8- Linh Hồn Không Có (2010 - Quý IV)
- 9- Người Phật Tử Cần Biết (2 tập - 2012)
- 10- Những Chặng Đường Tu Học
Của Người Cư Sĩ (2011)
- 11- Giới Đức Làm Người (2 tập - 2010)
- 12- Thanh Quy Tu Viện Chơn Như (2010)
- 13- Mười Hai Cửa Vào Đạo (2012)
- 14- Sống Một Mình Như Con Tê Ngưu (2010)
- 15- Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo (2010)
- 16- Muốn Chứng Đạo Phải Tu
Pháp Môn Nào (2010)
- 17- Hỏi Đáp Oai Nghi Chánh Hạnh (2011)
- 18- Tạo Duyên Giáo Hóa Chúng Sinh (2011)

- 19- Lịch Sử Chùa Am (2010)
- 20- Thiên Căn Bản - tập I
- 21- Thời Khóa Tu Tập Trong Thời Đức Phật
- 22- Giáo Án Rèn Nhân Cách Lớp Ngũ Giới:
Đức Hiếu Sinh (tập I, II, III - 2012)
- 23- Giáo Án Rèn Nhân Cách Lớp Ngũ Giới:
Đức Ly Tham (tập I)
- 24- Giáo Án Rèn Nhân Cách Lớp Ngũ Giới:
Đạo Đức Gia Đình (tập I)
- 25- Mười Giới Thánh Đức Sa Di (tập I, II)
- 26- Giới Đức Thánh Tăng, Thánh Ni
- 27- Phật Giáo Có Đường Lối Riêng Biệt
- 28- Định Niệm Hơi Thở
- 29- Những Lời Tâm Huyết (tập I, II)
- 30- Pháp Môn Niệm Phật Tứ Bất Hoại Tịnh
- 31- Nghi Thức Thọ Trai
- 32- Thọ Tam Quy Ngũ Giới (2012)

.....

Phật tử đã đưa hầu hết kinh sách của Tu Viện Chơn Như lên mạng ở địa chỉ:

<http://chonnhu.net>

(Các thông tin đính chính
có trên trang Web này)

Sách này do phật tử nhiều nơi, cả trong nước và nước ngoài phát tâm ấn tống. Quý phật tử hay bạn đọc có nhu cầu thỉnh sách, xin vui lòng liên hệ Ban kinh sách của Tu Viện Chơn Như:

ĐT: (066) 389.2911 (Tu Viện Chơn Như)

098.809.4445 (Hà Nội)

Ước mong mọi người sẽ cùng nhau sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sinh.

LÒNG YÊU THƯƠNG

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Q. Ba Đình - Hà Nội
ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Nguyễn Công Oánh

Biên tập: Lê Hồng Sơn

Bìa: Thiện Thành

Trình bày: Thiện Thành

Sửa bản in: Ngọc Phúc

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: (066) 389.2911 - 098.809.4445

Email: chonnhu2@gmail.com

Số lượng in: 2.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm
In tại **CÔNG TY CP IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**
TP.HCM - ĐT: (08) 38164415

Số xuất bản: 1273-2012/CXB/11-135/TG
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2012